

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi xã hội càng phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh càng mở rộng, càng mang tính đa dạng, phức tạp thì nhu cầu thông tin càng trở nên bức thiết và quan trọng. Với sự phát triển thần tốc của nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn đứng vững, hòa nhập và phát triển trên thị trường, các doanh nghiệp phải đạt kết quả cao trong sản xuất kinh doanh, xác định phương hướng trong đầu tư, đồng thời phải có những sách lược kinh doanh hợp lý. Một câu hỏi được đặt ra cho các nhà quản lý là làm thế nào để sử dụng đồng vốn một cách hợp lý nhất và tạo ra lợi nhuận cao nhất khi sử dụng những đồng vốn đó. Để trả lời được câu hỏi này, đứng trên góc độ là kế toán trước hết phải tổ chức tốt khâu kế toán vốn bằng tiền vì vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Khi đã làm tốt khâu kế toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp nhìn nhận đúng thực trạng mọi quá trình kinh doanh, cung cấp các thông tin cần thiết một cách kịp thời, chính xác cho bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp để có các biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa các khoản chi phí phát sinh và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội em đã có cơ hội nghiên cứu và tiếp cận với thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực vốn bằng tiền của Công ty nên em đã chọn đề tài “*Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền*” nhằm củng cố kiến thức và hy vọng có một số ý kiến nhằm nâng cao công tác kế toán trong lĩnh vực này.

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của **Thạc sỹ Lê Thị Nam Phương** và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty, vì thời gian có hạn và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các thầy cô giáo trong trường cũng như cán bộ phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thị Hương Giang

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

I. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền.

1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) ...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyên: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

2. Đặc điểm vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là phương tiện đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp khi mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu ... phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Vốn bằng tiền vừa là loại vốn có tính linh hoạt cao nhất, nó có thể chuyển đổi dùng thành loại tài sản khác, tính luân chuyển cao. Do đó nó cũng chính là đối tượng của sự gian lận, tham ô và tiêu cực trong doanh nghiệp. Bởi vậy vốn bằng tiền cần phải được quản lý hết sức chặt chẽ và cần được hạch toán theo các nguyên tắc, chế độ của hệ thống kế toán Việt Nam.

3. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời các khoản thu, chi vốn bằng tiền. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ để đảm bảo giám sát chặt chẽ vốn bằng tiền.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.
- Thông qua việc ghi chép vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch vốn bằng tiền.

5. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

Hạch toán vốn bằng tiền kế toán phải sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam Đồng (ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”)

Trường hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh là ngoại tệ thì phải đồng thời theo dõi chi tiêu nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch. Ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ để ghi sổ (phải xin phép), nhưng khi lập báo cáo tài chính sử dụng ở Việt Nam phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch. Trường hợp doanh nghiệp thu, chi chủ yếu bằng ngoại tệ được quyết định lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán và chịu trách nhiệm về quyết định đó trước pháp luật, khi Báo cáo tài chính theo đơn vị tiền tệ trong kế toán (ngoại tệ) phải quy đổi báo cáo tài chính sang VND khi nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Cuối niên độ kế toán, số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên Ngân hàng. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán không có tỷ giá bình quân liên Ngân hàng thì lấy tỷ giá bình quân liên Ngân hàng tại ngày gần nhất trước khi kết thúc kỳ kế toán.

Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền, chỉ áp dụng cho các đơn vị không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý, có thể áp dụng một trong các phương pháp tính giá hàng xuất kho như:

- Bình quân gia quyền
- Nhập trước xuất trước
- Nhập sau xuất trước
- Thực tế đích danh

Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng ... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn

bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

II. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền.

1. Luân chuyển chứng từ.

Để thu thập thông tin đầy đủ chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định. Một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ ...

Cũng như các loại chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động, sự vận động hay sự luân chuyển đó được xác định bởi khâu sau:

- Tạo lập chứng từ : do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy, tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, phiếu chi hay các hợp đồng ... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu Nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

- Kiểm tra chứng từ : khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ như các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán: cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phần hành này:

+ Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

+ Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

- Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Lưu trữ chứng từ : Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc.

+ Chứng từ không bị mất.

+ Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.

+ Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra huỷ.

2. Kế toán tiền mặt tại quỹ.

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý, tín phiếu và ngân phiếu.

Trong mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của mình. Số tiền thường xuyên tồn quỹ phải được tính toán định mức hợp lý, mức tồn quỹ này tùy thuộc vào quy mô, tính chất hoạt động, ngoài số tiền trên doanh nghiệp phải gửi tiền vào Ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác.

Mọi khoản thu chi, bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Trong các DNNN, thủ quỹ không trực tiếp mua bán vật tư, hàng hoá, hoặc không được kiêm nhiệm công tác kế toán. Tất cả các khoản thu, chi tiền mặt đều phải có chứng từ hợp lệ chứng minh và phải có chữ ký của Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị. Sau khi thực hiện thu, chi tiền, thủ quỹ giữ lại các chứng từ để cuối ngày ghi vào sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ. Sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ được lập thành 2 liên, một liên lưu lại làm sổ quỹ, một liên làm báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ thu, chi gửi cho kế toán quỹ. Số tồn quỹ cuối ngày phải khớp đúng với số dư cuối ngày trên sổ quỹ.

Hàng ngày sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ. Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt.

2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

1) Kế toán phản ánh vào TK 111 “tiền mặt”: số tiền mặt, ngân phiếu, vàng bạc, đá quý, thực nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển ngay vào ngân hàng thì không ghi vào nợ TK 111 “tiền mặt” mà ghi vào TK 113 “tiền đang chuyển”.

2) Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, đá quý do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp, được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền.

3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

4) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng đồng Việt

Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên CÓ TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp : bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại” (TK ngoài Bảng cân đối kế toán).

7) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ.

- Phiếu thu	Mẫu số 01 - TT
- Phiếu chi	Mẫu số 02 – TT
- Giấy đề nghị tạm ứng	Mẫu số 03 – TT
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng	Mẫu số 04 – TT
- Giấy đề nghị thanh toán	Mẫu số 05 – TT
- Biên lai thu tiền	Mẫu số 06 – TT
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý	Mẫu số 07 – TT
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND)	Mẫu số 08a – TT
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)	Mẫu số 08b – TT
- Bảng kê chi tiền	Mẫu số 09 - TT

2.3. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý kế toán sử dụng TK “111” – Tiền mặt.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 – Tiền mặt:

☞ Bên NỢ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

✎ Bên CÓ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

✎ Số dư bên NỢ: các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 – tiền Việt Nam*: phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- *Tài khoản 1112 – ngoại tệ*: phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1113 – vàng, bạc, kim khí quý, đá quý*: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

2.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam.

2.4.1.1. Các nghiệp vụ làm tăng vốn bằng tiền (ghi NỢ TK 111).

1) Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhập quỹ tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền thu nhập quỹ theo tổng giá thanh toán

CÓ TK 511, 512 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÓ TK 3331 Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp khấu trừ)

2) Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập bằng tiền mặt tại quỹ.

NỢ TK 111 Tổng số tiền nhập quỹ

CÓ TK 515, 711 Tổng thu nhập

CÓ TK 3331 Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

3) Rút tiền gửi Ngân hàng (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ) về nhập quỹ tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền nhập quỹ tăng thêm

CÓ TK 112 Số tiền rút từ Ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

4) Vay ngắn hạn, dài hạn, vay khác bằng tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền nhập quỹ tăng thêm

CÓ TK 311, 341 Vay ngắn hạn, dài hạn, vay khác...

5) Thu hồi các khoản nợ phải thu về nhập quỹ tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền nhập quỹ tăng thêm

CÓ TK 131 Phải thu của khách hàng

CÓ TK 136 Phải thu nội bộ

CÓ TK 138 Phải thu khác

CÓ TK 141 Tạm ứng

6) Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thu hồi các khoản cho vay nhập quỹ tiền mặt.

NỢ TK 111

CÓ TK 121, 128, 138, 144, 244, 228

7) Nhận khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền nhập quỹ

CÓ TK 338 Phải trả, phải nộp khác

CÓ TK 344 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

8) Các khoản tiền thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân.

NỢ TK 111 Số tiền tăng thêm

CÓ TK 3381 Kiểm kê quỹ thừa so với sổ chưa rõ nguyên nhân

9) Nhận được vốn do được giao, nhận vốn góp bằng tiền mặt.

NỢ TK 111 Số tiền nhập quỹ tăng thêm

CÓ TK 411 Tăng do phát hành, bán cổ phiếu, nhận cấp phát...

10) Nhận được tiền của Nhà nước thanh toán về các khoản trợ cấp, trợ giá

bằng tiền mặt.

NỢ TK 111	Số tiền nhận được từ Nhà nước
CÓ TK 3339	Các khoản trợ cấp, trợ giá

2.4.1.2. Các nghiệp vụ làm giảm vốn bằng tiền (ghi CÓ TK 111).

1) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

NỢ TK 112	Số tiền rút ra từ Ngân hàng
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

2) Chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa về nhập kho

NỢ TK 152, 153, 156, 157	Giá mua vào chưa có thuế GTGT
NỢ TK 1331	Thuế GTGT được khấu trừ
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

3) Chi mua nguyên vật liệu đưa ngay vào sản xuất kinh doanh không qua nhập kho.

NỢ TK 621, 623, 627, 641, 642	Tổng chi chưa có thuế GTGT
NỢ TK 1331	Thuế GTGT được khấu trừ
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

4) Xuất quỹ tiền mặt mua TSCĐ đưa ngay vào sử dụng.

NỢ TK 211, 213	Giá mua TSCĐ chưa có thuế GTGT
NỢ TK 1331	Thuế GTGT được khấu trừ
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

5) Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn hoặc đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, góp vốn liên doanh.

NỢ TK 121, 221, 222, 223, 228	Vốn gốc
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

6) Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược.

NỢ TK 144, 244	Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

7) Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả.

NỢ TK 311, 331, 333, 334, 336, 338	Các khoản nợ
CÓ TK 111	Số tiền thực tế xuất quỹ

8) Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác.

NỢ TK 635 Chi phí tài chính

NỢ TK 811 Chi phí khác

CÓ TK 111 Số tiền thực tế xuất quỹ

9) Kiểm kê thiếu quỹ tiền mặt chưa xác định được nguyên nhân.

NỢ TK 1381 Số tiền thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân

CÓ TK 111 Số tiền thiếu hụt so với sổ sách

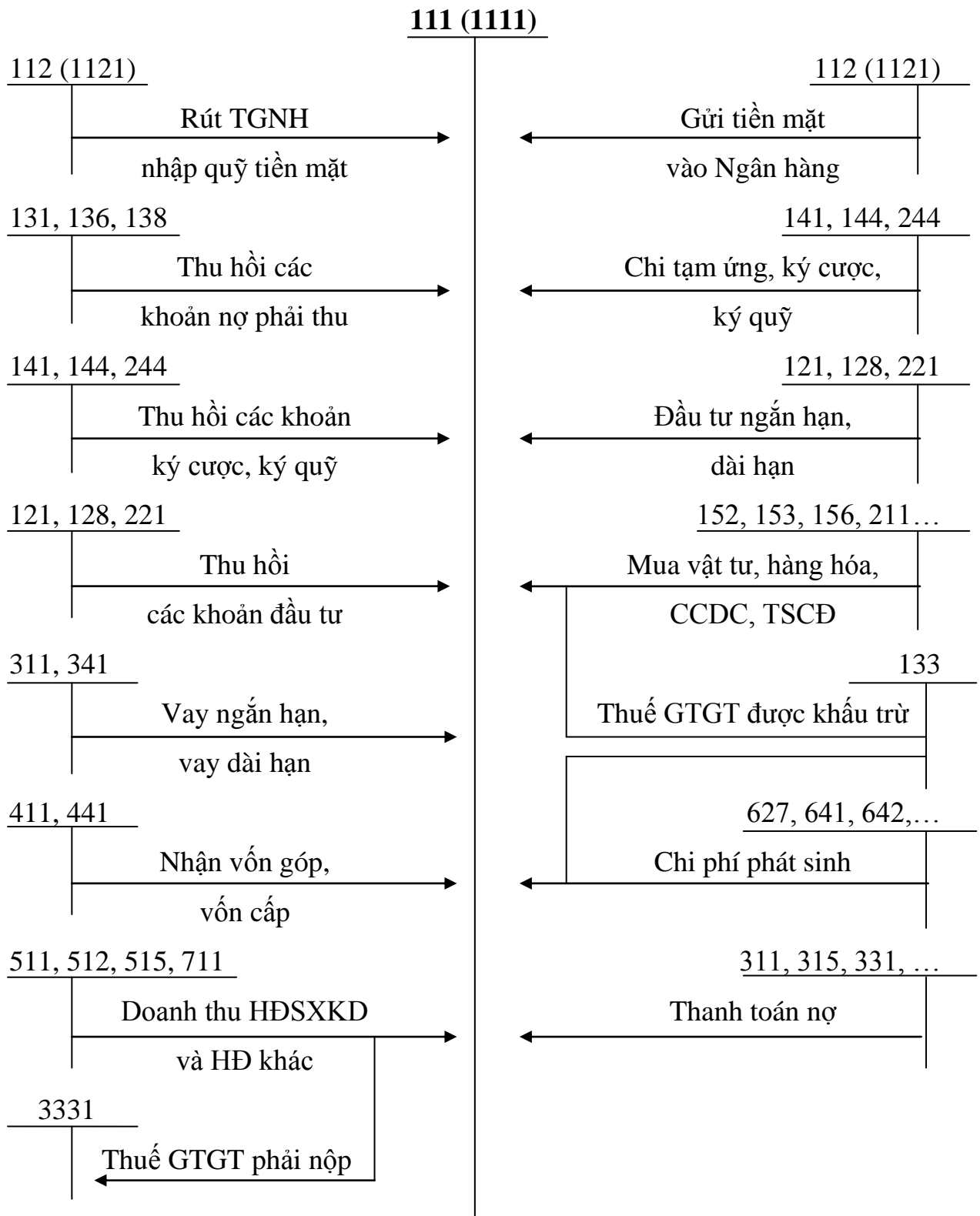
10) Trường hợp công ty cổ phần phát hành cổ phiếu, kế toán ghi nhận các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu:

NỢ TK 4112 Thặng dư vốn cổ phần

CÓ TK 111

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1 như sau:

Sơ đồ 1 – Kế toán tiền mặt (VNĐ)



2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với các tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá.

- Trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ thì được chọn một loại ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính. Cuối niên độ kế toán, số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

➤ Kết cấu tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại

✎ Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

✎ Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

✎ Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

➤ Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

✎ Bên Nợ : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả

có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

✎ Bên Có : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư,

hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

✎ Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

✎ Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413- Chênh lệch tỷ giá, chỉ được sử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2.4.2.1. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt trong giai đoạn sản xuất kinh doanh.

1) Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ.

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ:

NỢ TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642,
133,... (theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

NỢ TK 635 Lỗ tỷ giá hối đoái

CÓ TK 1112 Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ:

NỢ TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642,
133... (theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

CÓ TK 1112 Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

CÓ TK 515 Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

- Khi nhận vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ của nhà cung cấp hoặc vay ngắn hạn, dài hạn,...

NỢ các TK liên quan Theo tỷ giá hối đoái tạo ngày giao dịch
CÓ TK 331, 311, 341, 336 Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

2) Khi thanh toán nợ phải trả

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả:

NỢ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ

NỢ TK 635 Lỗ tỷ giá hối đoái

CÓ TK 1112 Theo tỷ giá giao dịch

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả:

NỢ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ kế toán

CÓ TK 515 Lãi tỷ giá hối đoái

CÓ TK 1112 Theo tỷ giá giao dịch

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

3) Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt.

NỢ TK 1112 Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao
dịch bình quân liên ngân hàng

CÓ TK 511, 515, 711 Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao
dịch bình quân liên ngân hàng

Đồng thời ghi đơn bên NỢ TK 007

4) Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ.

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu:

NỢ TK 1112 Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

NỢ TK 635 Lỗ tỷ giá hối đoái

CÓ TK 131, 136, 138 Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên NỢ TK 007

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu:

NỢ TK 1112 Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

CÓ TK 515 Lãi tỷ giá ghi sổ kế toán

CÓ TK 131, 136, 138 Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên NỢ TK 007

2.4.2.2. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động).

1) Khi mua ngoài vật tư, dịch vụ, TSCĐ, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt do người bán hoặc bên nhận thầu bàn giao.

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán:

NỢ TK 151, 152, 211, 213, 241,... Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

NỢ TK 4132 Lỗ tỷ giá hối đoái

CÓ TK 1112 Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán:

NỢ TK 151, 152, 211, 213, 241,... Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

CÓ TK 1112 Tỷ giá ghi sổ kế toán

CÓ TK 413 Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

2) Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ.

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ:

NỢ TK 311, 315, 336, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ kế toán

NỢ TK 4132 Lỗ tỷ giá hối đoái

CÓ TK 1112 Tỷ giá tại ngày giao dịch

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ:

NỢ TK 311, 315, 336, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ kế toán

CÓ TK 1112 Tỷ giá tại ngày giao dịch

CÓ TK 4132 Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi đơn bên CÓ TK 007

3) Hàng năm, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (giai đoạn trước hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư XDCB và được xử lý, hạch toán theo quy định.

2.4.2.3. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản ngoại tệ là tiền mặt khi đánh giá lại cuối năm.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư TK 111 “Tiền mặt” có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính (tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính), có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4312) và của hoạt động sản xuất kinh doanh (TK 4131).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái ghi:

NỢ TK 1112

CÓ TK 413 (4131, 4132)

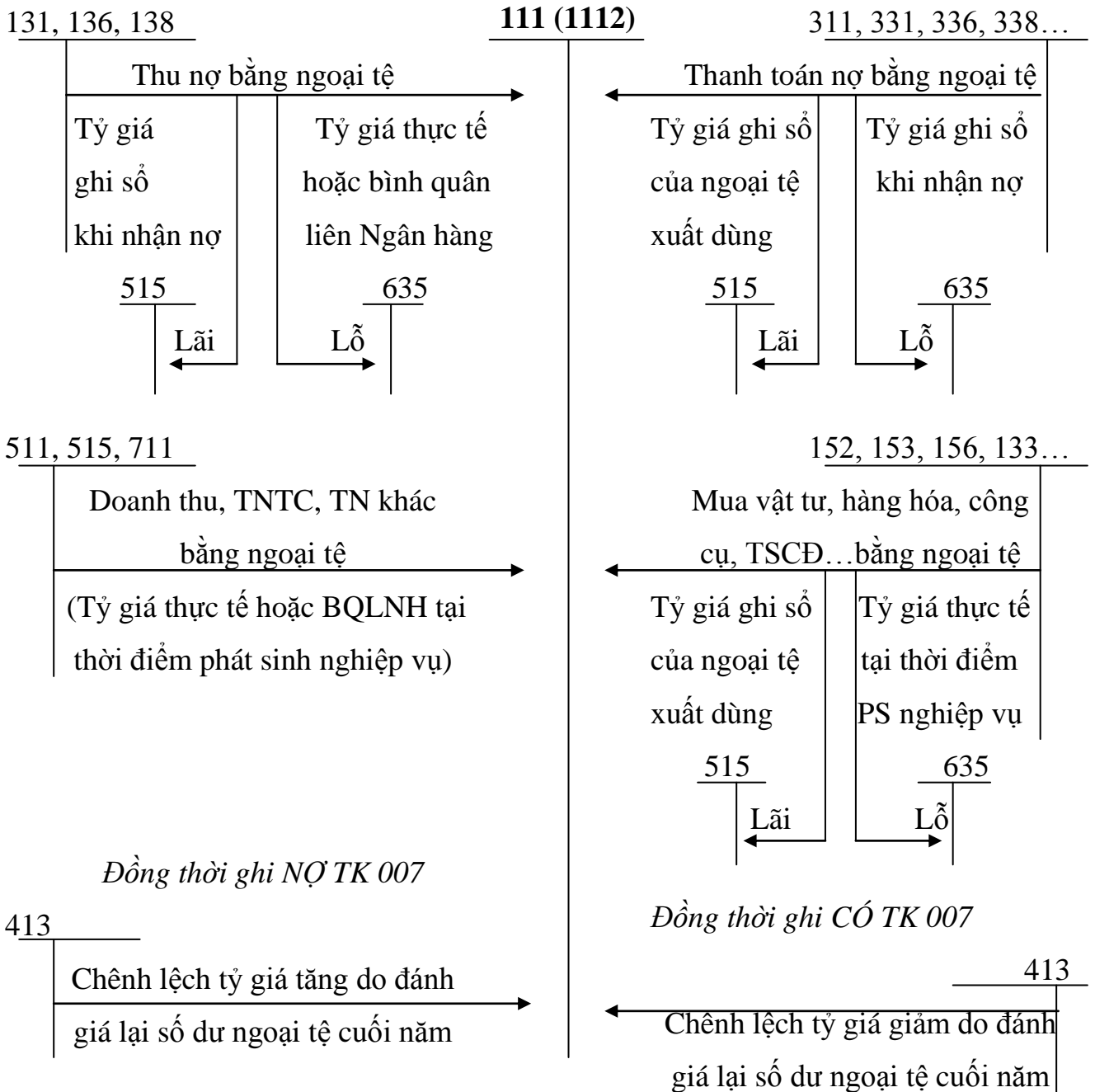
- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái ghi:

NỢ TK 413 (4131, 4132)

CÓ TK 1112

Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 2 như sau:

Sơ đồ 2 – Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



4) Xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đem ký cược, ký quỹ.

NỢ TK 144, 244 Theo tỷ giá thực tế xuất quỹ

CÓ TK 1113 Theo tỷ giá thực tế xuất quỹ

5) Khách hàng trả nợ bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

NỢ TK 1113 Giá thực tế khi được thanh toán

NỢ TK 811 Chênh lệch khi giá thanh toán nhỏ hơn lúc ghi nhận nợ

CÓ TK 131 Giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải thu

CÓ TK 711 Chênh lệch khi giá thanh toán lớn hơn lúc ghi nhận nợ

6) Xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý để thanh toán nợ.

NỢ TK 331 Giá lúc ghi nhận nợ phải trả

NỢ TK 811 Chênh lệch khi giá thanh toán nhỏ hơn lúc ghi nhận nợ

CÓ TK 1113 Giá thực tế xuất quỹ

CÓ TK 711 Chênh lệch khi giá thanh toán lớn hơn lúc ghi nhận nợ

III. Kế toán tiền gửi Ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng.

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy

định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng.

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của doanh nghiệp là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyên khoản... Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phải tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu kế toán của đơn vị với ngân hàng thì vẫn phải ghi theo chứng từ của ngân hàng, số chênh lệch được theo dõi riêng ở tài khoản phải thu hoặc phải trả khác, đồng thời thông báo cho ngân hàng đối chiếu.

3.3. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi

của doanh nghiệp kế toán sử dụng **TK 112 – Tiền gửi ngân hàng**, TK này có kết cấu và nội dung như sau:

✎ Bên NỢ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

✎ Bên CÓ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

✎ Số dư bên NỢ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ.
- Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng có 3 tài khoản cấp hai:
- TK 1121: Tiền Việt Nam.
 - TK 1122: Ngoại tệ.
 - TK 1123: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

3.4. Phương pháp hạch toán.

3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam.

3.4.1.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi Ngân hàng.

- 1) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

NỢ TK 112

CÓ TK 111

- 2) Nhận được giấy báo CÓ của Ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của Ngân hàng.

NỢ TK 112

CÓ TK 113

- 3) Khách hàng trả nợ hoặc ứng trước cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản.

NỢ TK 112

CÓ TK 131

- 4) Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng.

NỢ TK 112

CÓ TK 144, 244

5) Nhận góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng tài khoản.

NỢ TK 112

CÓ TK 411

6) Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn bằng chuyển khoản.

NỢ TK 112

CÓ TK 334, 338

7) Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản.

NỢ TK 112

CÓ TK 121, 128 Vốn góp

CÓ TK 515 Lãi từ vốn góp

CÓ TK 3331 Thuế GTGT phải nộp

8) Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản.

NỢ TK 112

CÓ TK 511, 515, 711

CÓ TK 3331

9) Thu lãi tiền gửi Ngân hàng.

NỢ TK 112

CÓ TK 515

3.4.1.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi Ngân hàng.

1) Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

NỢ TK 111

CÓ TK 112

2) Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược (ngắn hạn, dài hạn).

NỢ TK 144, 244

CÓ TK 112

3) Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn.

NỢ TK 121, 128

CÓ TK 112

4) Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bằng tiền gửi Ngân hàng.

NỢ TK 152, 153, 156, 157

NỢ TK 1331

CÓ TK 112

5) Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

NỢ TK 211, 213, 217, 221, 222, 228, 241

NỢ TK 1332

CÓ TK 112

6) Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản.

NỢ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342...

CÓ TK 112

7) Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp... bằng tiền gửi Ngân hàng.

NỢ TK 411, 421, 414, 415, 418...

CÓ TK 112

8) Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản.

NỢ TK 521, 531, 532

NỢ TK 3331

CÓ TK 112

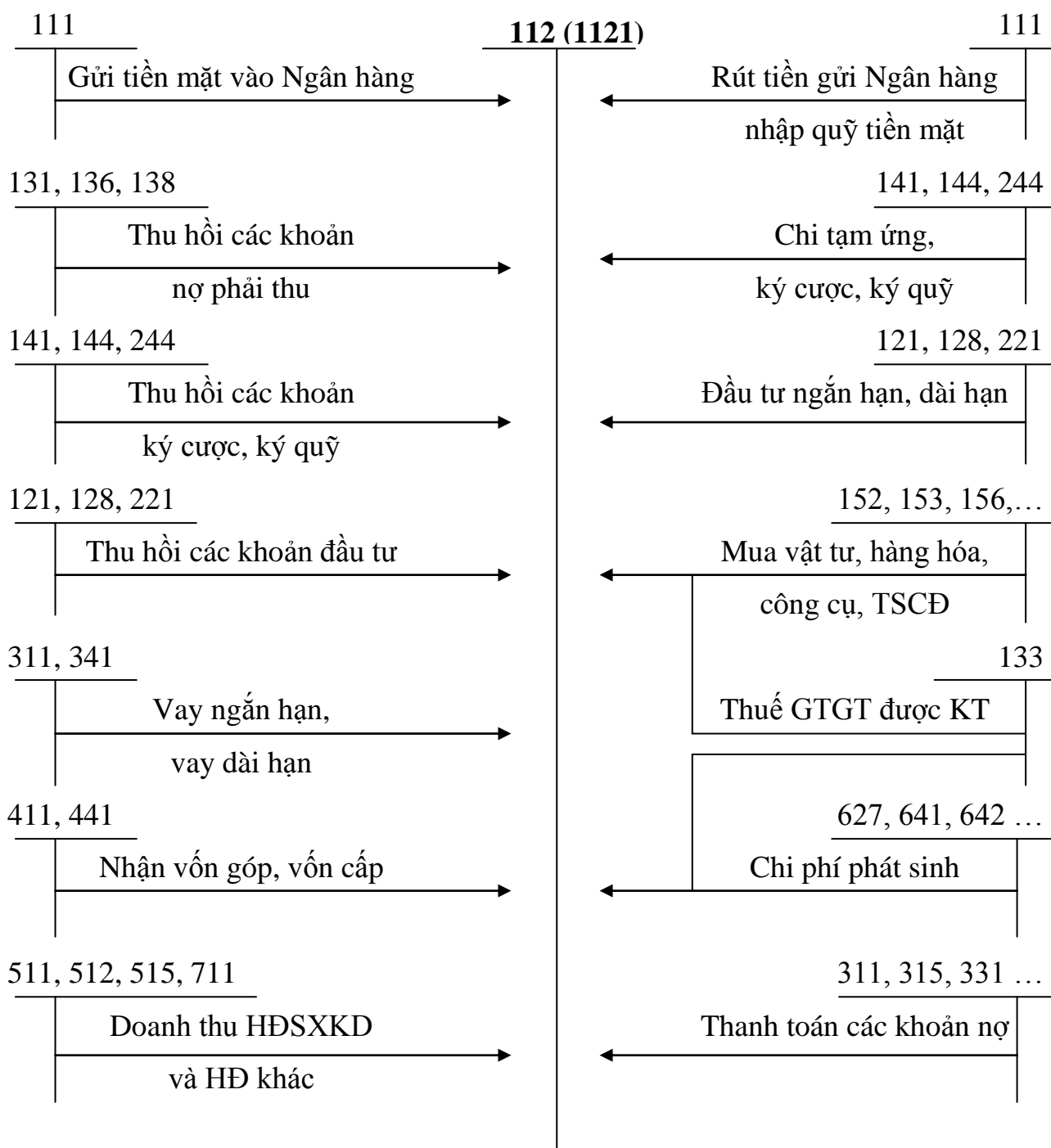
9) Chi bằng tiền gửi Ngân hàng liên quan đến các khoản CP sử dụng máy thi công, CP SXC, CP BH, CP QLDN, CP HĐTC, CP khác...

NỢ TK 623, 627, 641, 642, 635, 811...

NỢ TK 1331

CÓ TK 112

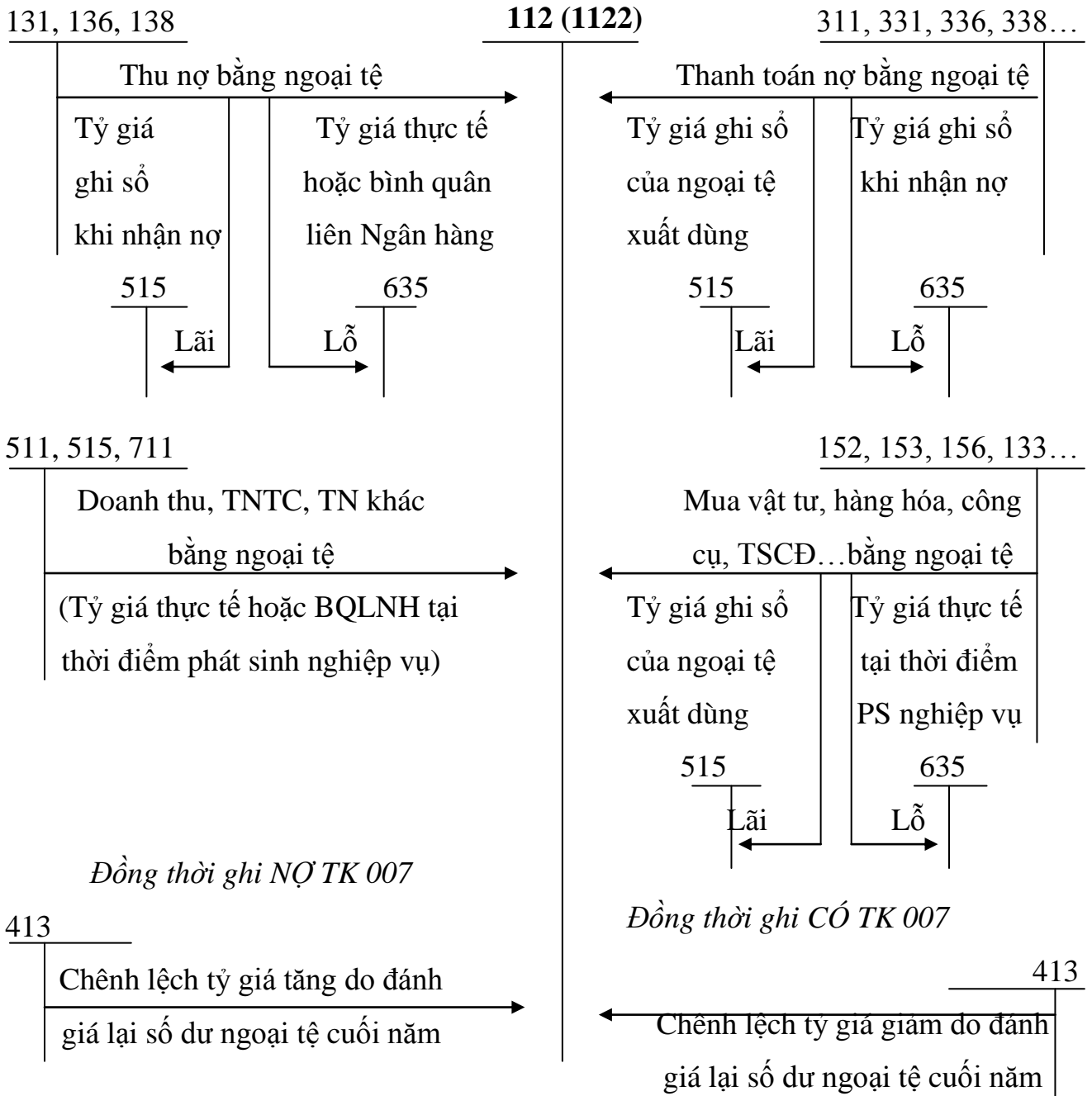
Sơ đồ 3 – Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.

Kế toán thực hiện tương tự phần “Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ”.

Sơ đồ 4 – Kế toán tiền gửi Ngân hàng (ngoại tệ)



4. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền

4.1. Chứng từ sử dụng.

Giấy báo nhận tiền của đơn vị đang chuyển tiền, phiếu chi, giấy nộp tiền, phiếu chuyển tiền qua bưu điện, giấy báo CÓ, bản sao kê Ngân hàng.

4.2. Tài khoản sử dụng.

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113- “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

☞ Bên NỢ :

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã chuyển bưu điện để chuyển vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

☞ Bên CÓ:

- Số kết chuyển vào TK 112 hoặc các tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

☞ Dư NỢ : Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

Tài khoản 113 có hai tài khoản cấp hai:

- TK 1131 “Tiền Việt Nam”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.
- TK 1132 “Ngoại tệ”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

4.3.Phương pháp hạch toán.

4.3.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển.

1) Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được Giấy báo CÓ của Ngân hàng.

NỢ TK 113

CÓ TK 131, 331, 511, 515, 711...

2) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo CÓ của Ngân hàng.

NỢ TK 113

CÓ TK 111

3) Làm thủ tục chuyển tiền từ TK của Ngân hàng cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo NỢ của Ngân hàng.

NỢ TK 113

CÓ TK 112

4) Khách hàng chuyển trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo CÓ của Ngân hàng.

NỢ TK 113

CÓ TK 131

5) Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá tăng.

NỢ TK 113

CÓ TK 413

4.3.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền đang chuyển.

1) Ngân hàng báo CÓ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị.

NỢ TK 112

CÓ TK 113

2) Ngân hàng báo NỢ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, cung cấp dịch vụ.

NỢ TK 331

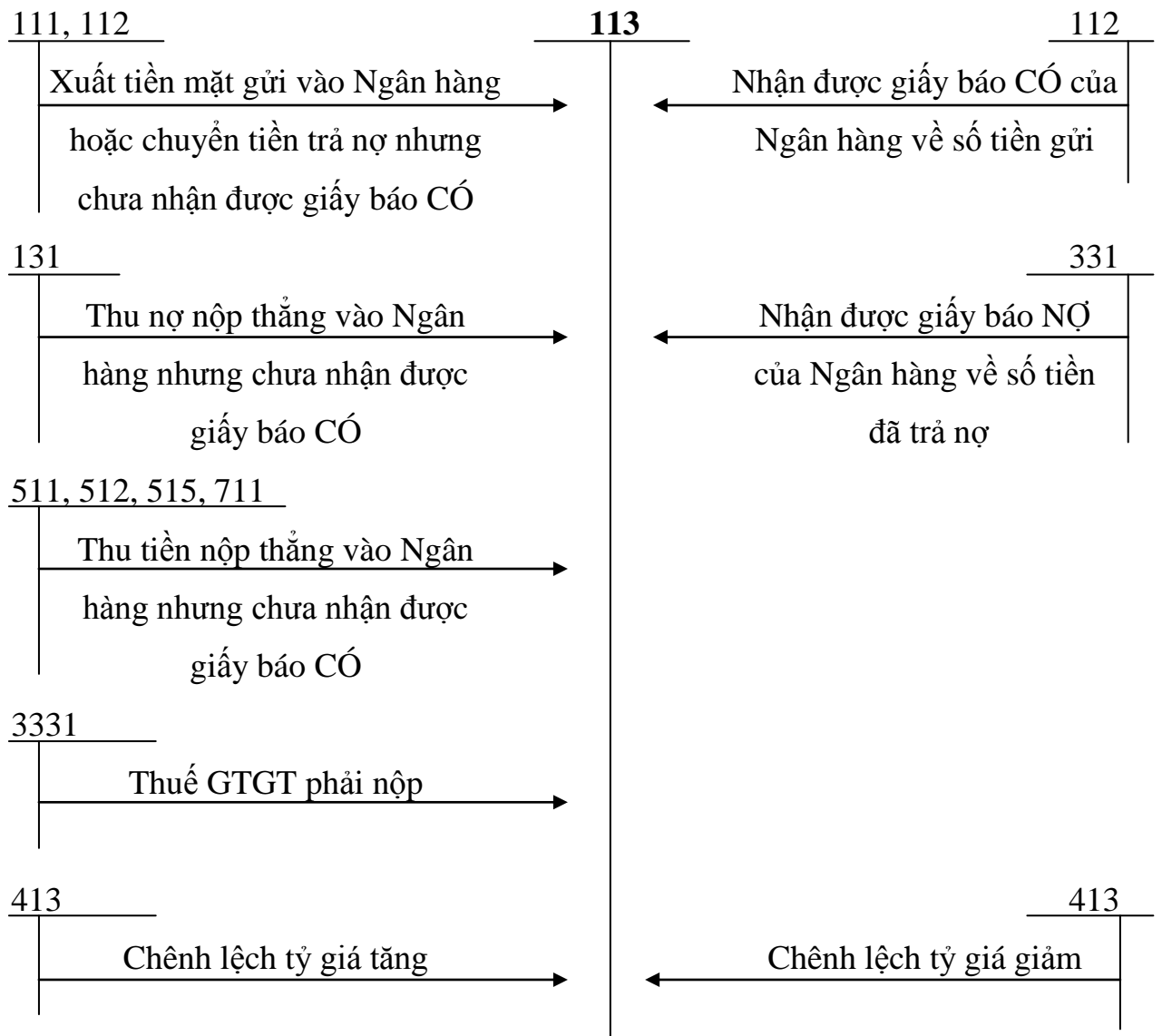
CÓ TK 113

3) Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá giảm.

NỢ TK 413

CÓ TK 113

Sơ đồ 5 – Kế toán tiền đang chuyển



5. Hình thức sổ kế toán.

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan Nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán :

- Nhật ký - sổ cái
- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Chứng từ ghi sổ.
- Kế toán máy

5.1. Hình thức Nhật ký sổ cái.

Đặc điểm chủ yếu : hình thức sổ kế toán Nhật ký- Sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ Nhật ký- Sổ cái.

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: sử dụng duy nhất một sổ là sổ Nhật ký- sổ cái.

- Sổ kế toán chi tiết: bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch toán chi tiết mà kết cấu, mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau.

5.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc điểm chủ yếu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời với việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau là sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.

Hệ thống sổ kế toán :

- Sổ kế toán tổng hợp : gồm sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết : tương tự trong NK- SC.

5.3. Hình thức Nhật ký – chứng từ.

Đặc điểm chủ yếu : kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

Hệ thống sổ kế toán :

- Sổ kế toán tổng hợp : các nhật ký chứng từ, các bảng kê.
- Sổ kế toán chi tiết : ngoài các sổ kế toán chi tiết sử dụng như trong hai hình thức trên (CT- GS và NK- SC) còn sử dụng các bảng phân bổ.

5.4. Hình thức Nhật ký chung.

Đặc điểm chủ yếu: các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ cái.

Hệ thống sổ:

- Sổ kế toán tổng hợp: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái các tài khoản (111, 112, 113).
- Sổ kế toán chi tiết: tương tự như các hình thức trên.

5.5. Hình thức Kế toán máy.

Đặc điểm chủ yếu: công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CN CÔNG TY TNHH MTV XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÀ NỘI

1. Khái quát về CN Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

1.1. Quá trình hình thành và phát triển tại CN Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

1.1.1. Lịch sử hình thành Công ty.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội được thành lập từ Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản I Hải Phòng thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam (AGREXPORT VN) theo quyết định số 251 NN – TCCB/QĐ ngày 07 tháng 03 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 302935 ngày 19/09/1996 của Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước số 2016000020 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Từ năm 1996 đến tháng 7 năm 2010, Công ty hoạt động với tên là: CN Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội tại Hải Phòng. Tháng 7 năm 2010, Công ty chuyển đổi tên doanh nghiệp thành CN Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

➤ Tên doanh nghiệp: CN Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội.

➤ Số điện thoại: 0313.920243

➤ Fax: 0313.920454

➤ Địa chỉ: số 25 Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

➤ Tài khoản: 020-0101-0036323 Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

003-100-0001083 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

➤ Mã số thuế: 0100101682002-1

1.1.2. Nguồn vốn.

Từ khi thành lập đến nay Công ty luôn cố gắng bảo toàn phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình một cách hiệu quả và hợp lý.

Tổng nguồn vốn của CN Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội tính đến ngày 31/12/2011 là 7.045.736.110đ.

1.1.3. Ngành nghề kinh doanh.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 1996, là một doanh nghiệp thuộc sự quản lý của Nhà nước, thực hiện tốt những nghĩa vụ của mình đối với pháp luật. Trong thời kỳ đổi mới, ngoài việc tiếp tục duy trì lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mình, Công ty đã mở rộng và phát triển hoạt động trên nhiều lĩnh vực nhằm nâng cao và phát triển vị thế của mình trên thị trường.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh Nông lâm sản vật tư theo ủy quyền của Công ty.
- Kinh doanh nguyên liệu phục vụ ngành dệt tơ tằm,
- Kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm,
- Dịch vụ giao nhận ngoại thương và cho thuê kho bãi,
- Liên doanh đầu tư phát triển bất động sản,
- Dịch vụ trường học.

1.1.4. Cơ sở vật chất của Công ty.

Công ty đang từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất để phục vụ công tác hành chính và công tác sản xuất:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: nhà điều hành Công ty, nhà văn phòng, nhà bảo vệ công ty, dãy nhà cho thuê làm phòng học, nhà kho...
- Máy móc thiết bị: xe tải, xe nâng, hàng rào inox điều khiển, máy ép,...

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: máy vi tính, máy điện thoại, máy in, máy fax...

1.1.5. Những thuận lợi và khó khăn của CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

*** Thuận lợi.**

Công ty đã và đang có những điều kiện thuận lợi nhất định đảm bảo cho sự phát triển về sản xuất cũng như các hoạt động kinh doanh, tạo các mối quan hệ tốt với các bạn hàng và khẳng định vị thế của mình trên thương trường.

Công ty đang dần từng bước hiện đại hóa về cơ sở vật chất trong Công ty: nhà kho, bến bãi, phương tiện, phương tiện quản lý.

Thuận lợi về nguồn nhân lực: đội ngũ công nhân năng động và nhiệt tình, có năng lực, được đào tạo cơ bản, thường xuyên có những sáng kiến hay trong hoạt động kinh doanh ... góp một phần quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp.

Là một trong những doanh nghiệp Nhà nước, đồng thời kinh doanh những mặt hàng là sản phẩm từ nông nghiệp nên Công ty nhận được rất nhiều ưu đãi từ Nhà nước và Chính phủ. Với hệ thống công ty con trải dài từ Bắc vào Nam, Công ty đang là một trong những doanh nghiệp giữ vị trí chủ chốt trong nền kinh tế nói chung và ngành Nông nghiệp nói riêng.

*** Khó khăn.**

Đi cùng với thuận lợi là những khó khăn đòi hỏi tập thể Công ty tìm cách khắc phục để duy trì sự phát triển ổn định hiện tại của Công ty.

Nguồn vốn hiện tại của Công ty là 100% vốn nhà nước nên bị hạn chế về khả năng huy động thêm vốn nếu muốn mở rộng sản xuất kinh doanh. Kế hoạch trong năm sắp tới, Công ty sẽ cổ phần hóa doanh nghiệp, từ đó huy động được thêm nguồn vốn hiện có, điều này sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh cũng như thay đổi cơ bản tình hình hoạt động hiện có của doanh nghiệp.

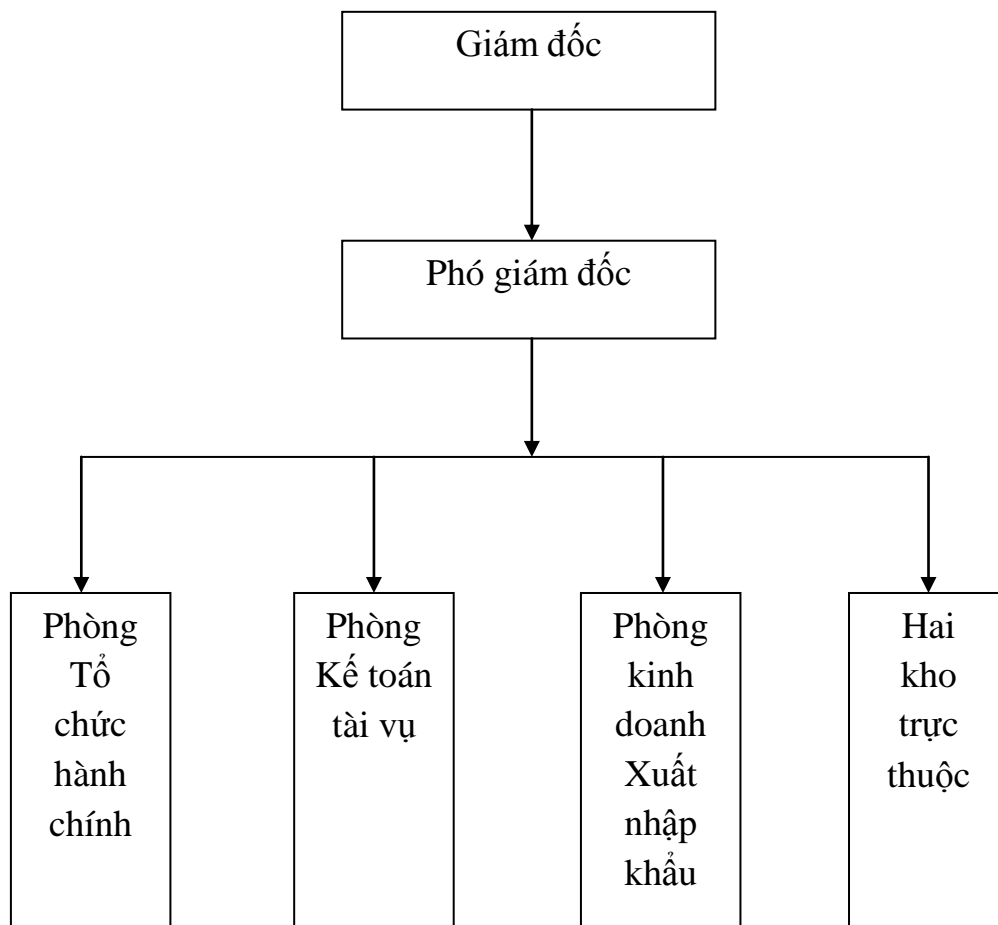
Trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa như hiện nay thì ngành mặt hàng kinh doanh chính của Công ty không có khả năng cạnh tranh với những mặt hàng có khả năng thay thế hiện có trên thị trường, điều này gây ảnh hưởng

rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.2. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Doanh nghiệp thương mại là doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ lưu thông hàng hoá, vừa là người mua hàng, vừa là người bán hàng. Để thực hiện tốt và có hiệu quả nhiệm vụ của một doanh nghiệp thương mại là phải tổ chức một bộ máy quản lý trên cơ sở hiệu quả và tiết kiệm nhất. Vì thế, ngay từ khi thành lập cho đến nay CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội vẫn xây dựng bộ máy quản lý rất chặt chẽ với cơ cấu hợp lý đảm bảo cho sự hoạt động liên tục và phát triển lâu dài.

➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:



➤ Chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban.

* Giám đốc Công ty.

Là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty, phụ trách điều hành chung toàn Công ty theo đúng kế hoạch, chính sách của Nhà nước, trực tiếp phụ trách các phòng ban, phụ trách công tác đối ngoại, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn..., thúc đẩy Công ty không ngừng phát triển bền vững, ổn định và đạt mức tăng trưởng cao. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng Công ty về lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* *Phó giám đốc Công ty.*

Là người giúp Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty như trong quá trình bán hàng, nhận hàng và quản lý hàng hóa, chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi việc được phân công.

* *Phòng tổ chức hành chính.*

Là bộ phận cần của Công ty, quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật thông tin liên lạc. Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề dân sự của Công ty, tổ chức quản lý hành chính công ty.

* *Phòng kế toán tài vụ.*

Có nhiệm vụ lập kế hoạch dài hạn hàng năm về tài chính, lo bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; báo cáo quyết toán hàng quý, hàng năm trình Giám đốc phê duyệt và báo cáo cơ quan chức năng có liên quan về tình hình tài chính của Công ty.

* *Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu.*

Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hàng năm dài hạn về công tác xây dựng và phát triển công ty, khai thác tiêu thụ hàng hóa xuất nhập khẩu, trực tiếp khai thác các mặt hàng theo yêu cầu của thị trường, tìm hiểu và nắm bắt thị trường trong và ngoài nước, khai thác các mặt hàng mới, đảm bảo tổ chức kinh doanh có hiệu quả.

* *Kho trực thuộc.*

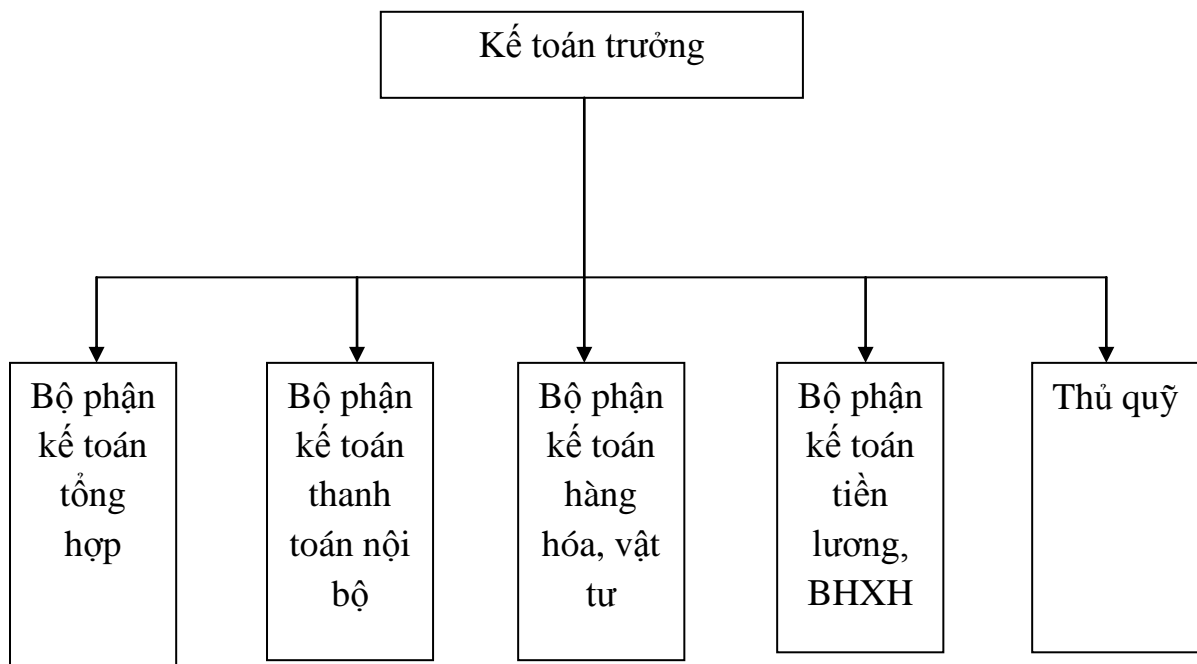
Tổ chức tiếp nhận, bảo quản, làm các thủ tục nhập – xuất hàng khi có lệnh nhận hàng, giao hàng của cấp trên.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

1.3.1. Mô hình bộ máy kế toán của CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Phòng Kế toán tài vụ có nhiệm vụ cung cấp số liệu giúp cho việc ra quyết định của ban lãnh đạo. Bộ máy Kế toán được tổ chức tập trung thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc về mặt tài chính Kế toán Công ty, bao gồm các nhiệm vụ chính sau:

- Tiến hành công tác kế toán theo quy định Nhà Nước.
 - Lập báo cáo kế toán thống kê theo quy định Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thống Kê và kiểm tra sự chính xác của các báo cáo do các phòng ban khác lập.
 - Hỗ trợ Giám Đốc hướng dẫn, chỉ đạo các phòng và bộ phận thực hiện việc ghi chép ban đầu đúng chế độ, đúng phương pháp.
 - Hỗ trợ Giám Đốc phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ, thể lệ quản lý kinh tế tài chính trong phạm vi đơn vị.
 - Lưu trữ, bảo quản hồ sơ tài liệu quản lý tập trung thống nhất số liệu kế toán thống kê và cung cấp số liệu đó cho các bộ phận khác có liên quan.
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.



Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công công việc. Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để từ đó tạo thành mối liên hệ có tính vị trí, lệ thuộc lẫn nhau. Bộ máy kế toán hoạt động có hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán theo các tính chất khác nhau.

➤ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

Bộ máy kế toán của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty.

* *Kế toán trưởng.*

Là người trực tiếp chỉ đạo thực hiện thống nhất toàn bộ công tác kế toán và thực hiện việc kiểm tra kiểm soát tài chính của Công ty... Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Giám đốc Công ty về thực hiện pháp lệnh kế toán thống kê và mọi hoạt động của phòng kế toán tài vụ.

* *Bộ phận kế toán tổng hợp.*

Là người giúp việc cho kế toán trưởng điều hành phòng kế toán tài vụ của Công ty khi kế toán trưởng vắng mặt. Là người tổng hợp chính của phòng kế toán, chịu trách nhiệm kiểm tra chi tiết số liệu do kế toán viên lập. Lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán theo quy định hiện hành..., nắm bắt và phản ánh kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, kịp thời phản ánh cho kế toán trưởng và lãnh đạo Công ty để có biện pháp tăng cường quản lý, đảm bảo đem lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh.

* *Bộ phận kế toán thanh toán nội bộ.*

Là bộ phận theo dõi công nợ và các khoản khen thưởng, phúc lợi. Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả, thanh toán nội bộ Công ty về các khoản cấp phát, thu hồi, điều chuyển tài sản, tiền vốn. Hàng tháng có nhiệm vụ đi thanh toán công nợ, hàng ngày lập ủy nhiệm chi, séc mua hàng hóa, kiểm tra chứng từ trước khi xuất tiền.

* *Bộ phận kế toán hàng hóa, vật tư.*

Nhiệm vụ của bộ phận này là mở sổ theo dõi hàng hóa, hạch toán đầy đủ chính xác, kiểm tra việc nhập – xuất – tồn kho hàng hóa, phát hiện kịp thời hàng hóa ứ đọng không đảm bảo chất lượng; chịu trách nhiệm về khâu tổng hợp hàng

hóa.

* *Bộ phận kế toán tiền lương và BHXH.*

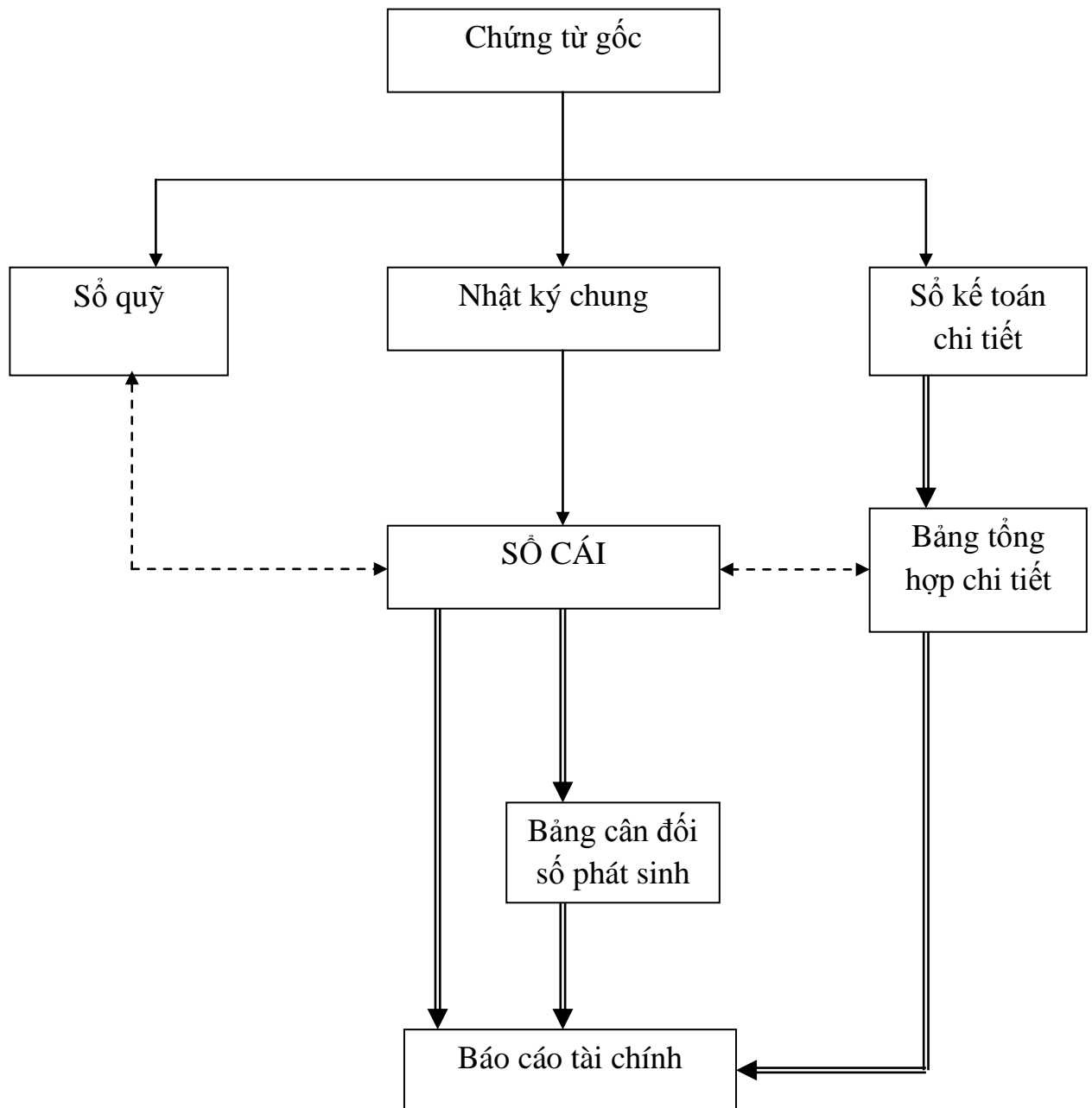
Là bộ phận kiểm tra việc ghi chép thời gian lao động, tính tiền lương, phân chia lương cho các bộ phận, mở sổ sách ghi chép tiền lương, chia lương sản phẩm, lương khoán và các khoản lương.

* *Thủ quỹ.*

Chịu trách nhiệm với kế toán trưởng, Giám đốc công ty về việc quản lý tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc đá quý (nếu có) và các giấy tờ khác như ngân phiếu, trái phiếu... Là người duy nhất trong Công ty được quản lý chìa khóa két và mở két khi cần thiết. Phải thực hiện kiểm kê đối chiếu hàng ngày giữa sổ quỹ theo sổ kế toán và số tiền thực có trong két.

1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Theo chế độ kế toán Việt Nam quy định có nhiều hình thức kế toán đang được áp dụng rộng rãi. Xét trên cơ sở và điều kiện thực tế về quy mô hoạt động của Công ty, đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của cán bộ kế toán và phương tiện tính hỗ trợ... đem lại hiệu quả cao nhất. Chính vì thế, Công ty hiện nay chọn hình thức kế toán **“Nhật ký chung”** để hạch toán, được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
 - =====> Ghi định kỳ

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào *sổ Nhật ký chung* theo thứ tự thời gian. Từ *sổ Nhật ký chung*, kế toán ghi vào *Sổ Cái tài khoản* có liên quan và *Sổ chi tiết* từng đối tượng. Cuối tháng căn cứ số liệu *Sổ chi tiết* kế toán tiến hành lập *Bảng tổng hợp chi tiết*. Sau khi khóa sổ, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập *Báo cáo tài chính* của kỳ kế toán.

1.3.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

- Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức ghi sổ của Công ty đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung được thực hiện qua phần mềm kế toán.
- Công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ra Đồng Việt Nam để ghi chép sổ sách kế toán.
- Hàng tồn kho được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc:

Công thức tính giá gốc:

$$\text{Giá gốc} = \text{Giá mua} + \text{Thuế không hoàn lại (nếu có)} + \text{Chi phí mua hàng (nếu có)} - \text{Các khoản giảm trừ (nếu có)}$$

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo QĐ số 32/2008/QĐ – BTC ngày 29/05/2008, sửa đổi theo Thông tư 203/2010/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Theo phương pháp này người ta dựa vào thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để trích khấu hao theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao (năm)} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ hữu hình}}{\text{Tỷ lệ khấu hao}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao (năm)} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$$

$$\text{Mức khấu hao (tháng)} = \frac{\text{Mức khấu hao}}{12}$$

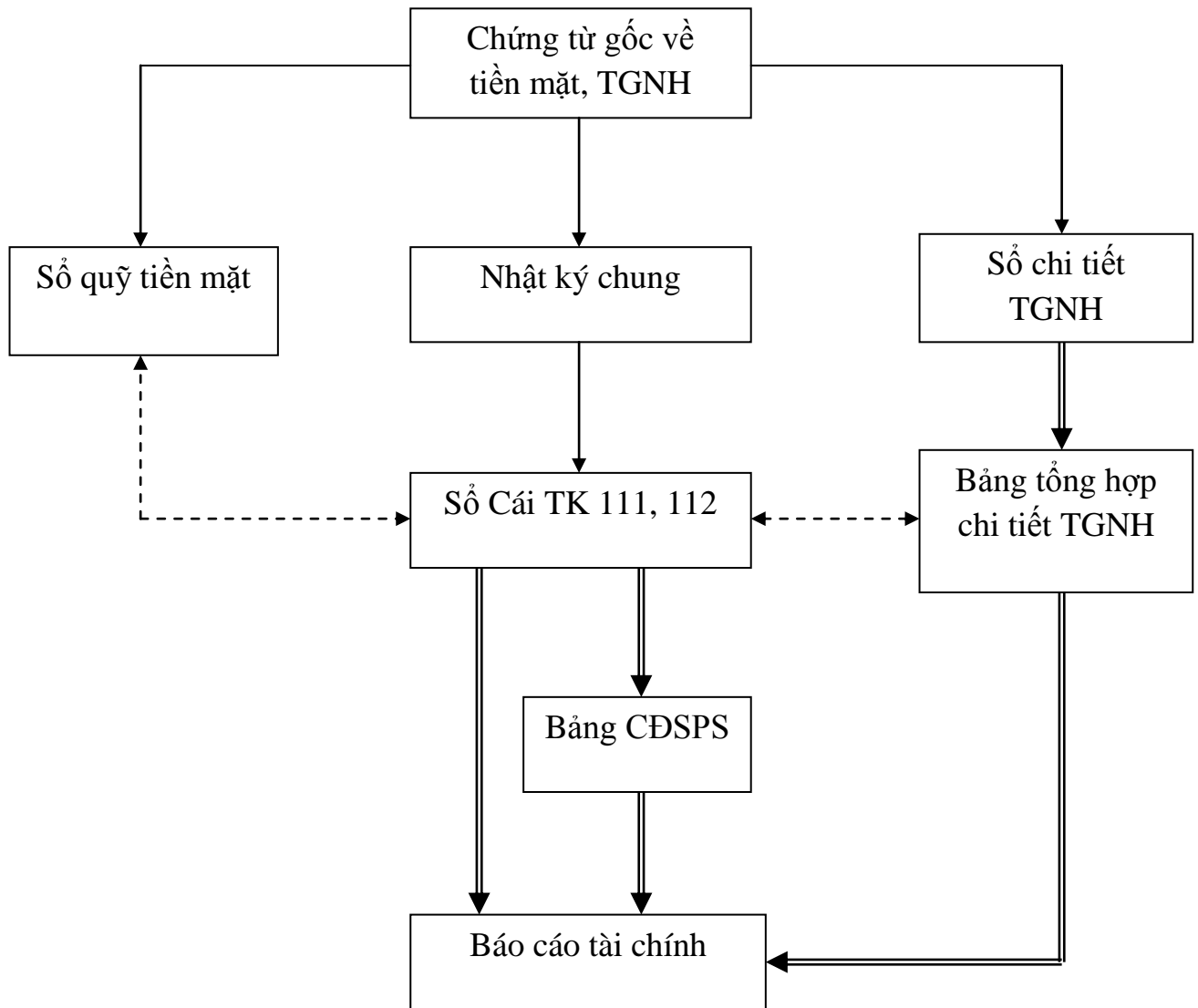
- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, cuối năm lập Báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn SXKD thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại dưới hình thức tiền tệ.

Tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội, vốn bằng tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Quy trình ghi sổ phần hành kế toán vốn bằng tiền được khái quát qua sơ đồ:



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra
 =====> Ghi định kỳ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra như: phiếu thu, phiếu chi, giấy báo NỢ, giấy báo CÓ kế toán tiến hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời tiến hành ghi song song vào sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng. Trên cơ sở số liệu đã được ghi chép trong sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi Sổ Cái tài khoản (TK 111, TK 112).

Cũng căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tiến hành nhập số liệu vào Sổ chi tiết tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối tháng, số liệu tổng cộng số phát sinh của các tài khoản này trên Sổ chi tiết

sẽ được chuyển vào sổ tổng hợp chi tiết tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng. Sổ tổng hợp chi tiết này được đối chiếu với Sổ cái tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng.

Cuối quý, căn cứ vào số liệu tổng cộng trên Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 112 lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ số liệu trong Bảng cân đối số phát sinh và số liệu tổng cộng trên sổ tổng hợp chi tiết tiền mặt, TGNH kế toán tổng hợp tiến hành lập Bảng cân đối kế toán. Số liệu tổng cộng đó được trình bày trên khoản mục Tiền mặt và TGNH trong Bảng cân đối kế toán.

2.1. Kế toán tiền mặt tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Tiền mặt tại quỹ của Công ty chỉ có tiền Việt Nam đồng, không có ngoại tệ, được bảo quản trong két đủ điều kiện an toàn, chống mất cắp, mất trộm, chống cháy.

Kế toán tiền mặt kiêm thủ quỹ (do Giám đốc Công ty chỉ định) chịu trách nhiệm thực hiện mọi nhiệm vụ liên quan đến thu, chi, bảo quản tiền tại quỹ, nếu có chênh lệch phải cùng kế toán kiểm tra xác định nguyên nhân và đề ra biện pháp xử lý. Kế toán tiền mặt có trách nhiệm mở sổ kế toán tiền mặt, ghi chép hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu chi tiền mặt tại quỹ và tính ra số tiền tồn quỹ cuối ngày.

Để nâng cao tính an toàn của tiền mặt tại quỹ tránh những gian lận, sai sót đáng tiếc có thể xảy ra, Công ty đã ban hành chế độ kiểm kê quỹ, quy định rõ ràng trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tiền tại quỹ, đặc biệt khi xảy ra mất mát, thiếu hụt hoặc lợi dụng tiền mặt tại quỹ. Hiện tại Công ty tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối mỗi quý, đồng thời có những đợt kiểm kê quỹ đột xuất nhằm phát hiện được sự chênh lệch (nếu có) giữa tiền tồn quỹ thực tế so với sổ sách, từ đó có những hướng giải quyết hợp lý. Khi tiến hành nhập xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi với đầy đủ chữ ký của các bên có trách nhiệm kèm theo chứng từ gốc hợp lệ đúng quy định của chế độ kế toán.

2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng mua hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.1.2. Tài khoản sử dụng.

Tại quỹ của Công ty chỉ bao gồm một loại tiền duy nhất là tiền Việt Nam đồng không có ngoại tệ hay vàng bạc, đá quý nên Công ty chỉ sử dụng duy nhất một loại tài khoản để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111.

2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng.

Các sổ dùng để hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Sổ quỹ tiền mặt.
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 111

2.1.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Trong tháng, từ các chứng từ gốc như hóa đơn, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán... kế toán lập phiếu thu, phiếu chi rồi chuyển lên cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Sau đó phiếu thu, phiếu chi sẽ được đưa cho thủ quỹ để nhập quỹ hoặc xuất quỹ tiền mặt. Kế toán quỹ tiền mặt sẽ phải mở và ghi sổ quỹ tiền mặt ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu – chi, nhập – xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Cuối ngày thủ quỹ tiến hành kiểm kê, đối chiếu số tiền tồn thực tế trong quỹ với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán vào sổ Nhật ký chung, cuối tháng kế toán tổng hợp sẽ dựa trên những ghi chép đó để ghi vào Sổ cái tài khoản 111. Cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ cái TK 111, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính cho quý đó.

Để hiểu rõ hơn về hoạt động kế toán tiền mặt tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội ta có thể xem một số nghiệp vụ sau:

❖ **Nghiệp vụ 1:**

Ngày 07/01/2011, Công ty TNHH Tuấn Anh trả tiền mua hóa chất theo hóa đơn GTGT số 0000021, ngày 03/01/2011, tiền hàng 100.826.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%.

Khi Công ty TNHH Tuấn Anh mua hàng của Công ty, chưa thanh toán, kế toán tiến hành lập Hóa đơn bán hàng – Hóa đơn GTGT số 0000021 thành 3 liên: liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho bên mua (hóa đơn đỏ), liên 3 dùng làm căn cứ ghi sổ. Trên hóa đơn ghi rõ “Chưa thanh toán”.

Khi đã nhận được tiền thanh toán từ Công ty TNHH Tuấn Anh, kế toán tiến hành lập phiếu thu rồi chuyển cho thủ quỹ. Sau khi nhận đủ tiền thủ quỹ ký nhận và giao 01 phiếu thu cho khách hàng.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/1

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 03 tháng 01 năm 2011

Số: 0000021

Đơn vị bán hàng: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Số điện thoại: 0313.920243

Fax: 0313.920454

Mã số thuế: 0100101682002 – 1

Số tài khoản: 003-100-0001083 tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thành Hưng

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Anh

Mã số thuế: 0100211242257 – 1

Địa chỉ: Số 305 Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hóa chất (HC-K)	kg	5500	18332	100.826.000
	Chưa thanh toán				

Cộng tiền hàng:

100.826.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

10.082.600

Tổng cộng tiền thanh toán:

110.908.600

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười triệu chín trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng chẵn./.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Thành Hưng

Trần Thị Lan

Nguyễn Thị Hồng

Phúc

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Từ hóa đơn bán hàng trên, kế toán sẽ lập 03 liên phiếu thu, 01 liên lưu, 02 liên còn lại giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ thu tiền xong rồi giao 01 liên cho người nộp tiền, 01 liên để ghi sổ kế toán.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số: 01

PHIẾU THU

Số: PT05

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 1111

Có TK 11313

Họ và tên người nộp : Nguyễn Thành Hưng

Địa chỉ : Công ty TNHH Tuấn Anh

Lý do nộp : Thanh toán tiền hàng

Số tiền : 110.908.600đ

Bằng chữ : Một trăm mười triệu chín trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng
chẵn./.

Kèm theo : ... 01 ... chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nộp

Thủ quỹ

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Phúc

Nguyễn Văn Phong

Đỗ Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm mười triệu chín trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

❖ **Nghiệp vụ 2**

Ngày 20/01/2011, mua 01 bức tranh tặng cán bộ phòng kinh doanh xuất nhập khẩu về nghỉ hưu, số tiền 3.000.000đ, thuế GTGT 10%, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/1		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: HK/11P		
Ngày 20 tháng 01 năm 2011			Số: 0000018		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tranh đá quý Việt Mỹ					
Địa chỉ: Số 11 Mê Linh, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số điện thoại: 0313.820.955			Fax:		
Mã số thuế: 0100112082108 – 1					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Nam Anh					
Tên đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội					
Mã số thuế: 0100101682002 – 1					
Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tranh đá công	Bức	01	3.000.000	3.000.000
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			300.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (ký, họ tên) Phạm Nam Anh		Người bán hàng (ký, họ tên) Trần Thu Hương		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, họ tên) Trương Quốc Hưng	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Người mua hàng là anh Phạm Nam Anh sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT lập giấy đề nghị thanh toán và đưa giấy này cho kế toán Công ty.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 05 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

theo QĐ số 15/2006/QĐ–BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Họ tên người đề nghị thanh toán: Phạm Nam Anh.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Nội dung: Thanh toán tiền mua tranh tặng Bác Sang.

Số tiền: 3.300.000đ

Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ

tên)

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 01

PHIẾU CHI

Số: PC39

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 6428

Có TK 1111

Họ và tên người nhận tiền : Phạm Nam Anh

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền mua tranh.

Số tiền : 3.300.000đ

Bằng chữ : Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo : ... 02 ... Chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nguyễn Văn Phong			Đỗ Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý);

+ Số tiền quy đổi:

❖ **Nghiệp vụ 3**

Ngày 27 tháng 01 năm 2011, mua 01 bộ máy vi tính của Công ty máy tính Hồng Đăng, sử dụng cho phòng Tổ chức hành chính, số tiền 10.390.909đ, thuế GTGT 10%, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/1		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: BA/11P		
Ngày 20 tháng 01 năm 2011			Số: 0000022		
Đơn vị bán hàng: Công ty máy tính Hồng Đăng.					
Địa chỉ: Số 229 Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.					
Số điện thoại: 0313.526539 Fax:					
Mã số thuế: 0101121635108 – 1					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Nam Anh					
Tên đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội					
Mã số thuế: 0100101682002 – 1					
Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy tính bộ HP	Bộ	01	10.390.909	10.390.909
Cộng tiền hàng:					10.390.909
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.039.091
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.430.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (ký, họ tên) Phạm Nam Anh		Người bán hàng (ký, họ tên) Trần Thu Hương		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, họ tên) Trương Quốc Hưng	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Người mua hàng là anh Nguyễn Hạo Nam sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT lập giấy đề nghị thanh toán và đưa giấy này cho kế toán Công ty.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 05 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

theo QĐ số 15/2006/QĐ–BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 27 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Họ tên người đề nghị thanh toán: Nguyễn Hạo Nam.

Địa chỉ: Phòng hành chính.

Nội dung: Thanh toán tiền máy vi tính.

Số tiền: 11.430.000đ

Bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2011

Người đề nghị thanh toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hạo Nam

Nguyễn Văn Phong

KT/PGĐ
Đỗ Hữu Hỏa

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, kế toán tiến hành lập phiếu chi.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 01

PHIẾU CHI

Số: PC75

Ngày 27 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 2112, 1331

Có TK 1111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hạo Nam

Địa chỉ : Phòng hành chính.

Lý do chi : Thanh toán tiền mua máy vi tính.

Số tiền : 11.430.000đ

Bằng chữ : Mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo : ... 01 ... Chứng từ gốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
---	--------------------------------	---------------------------	----------------------------	-------------------------

Nguyễn Thị Hồng Phúc Nguyễn Văn Phong

Đỗ Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý);

+ Số tiền quy đổi:

❖ **Nghiệp vụ 4**

Ngày 28 tháng 01 năm 2011, Chị Phạm Thị Hoa – cán bộ phòng Kế toán tạm ứng số tiền 10.000.000đ (chi phí tiếp xúc, khánh tiết, tiếp xúc cán bộ nghỉ hưu).

Chị Phạm Thị Hoa sau khi nhận được sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty về công việc được giao để viết giấy đề nghị tạm ứng trình Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty duyệt chi.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Mẫu số 03 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Họ tên người đề nghị tạm ứng: Phạm Thị Hoa

Địa chỉ: Phòng kế toán

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 10.000.000đ

(Viết bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng tiếp xúc, khánh tiết CB nghỉ hưu

Thời hạn thanh toán: Sau khi hoàn thành công việc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ	Người đề nghị tạm
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	phận	ứng
		(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nguyễn Văn Phong		Phạm Thị Hoa

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã có đầy đủ chữ ký, kế toán lập 02 phiếu chi, 01 phiếu lưu, 01 phiếu giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán ghi sổ.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 01

PHIẾU CHI

Số: PC81

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 141

Có TK 1111

Họ và tên người nhận tiền : Phạm Thị Hoa.

Địa chỉ : Phòng kế toán.

Lý do chi : Tạm ứng tiền khánh tiết, tiếp xúc CB nghỉ hưu.

Số tiền : 10.000.000đ

Bằng chữ : Mười triệu đồng chẵn./.

Kèm theo : ... 01 ... Chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nguyễn Văn Phong			Đỗ Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý);

+ Số tiền quy đổi:

Từ các phiếu thu, phiếu chi đã tập hợp được, kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung, Sổ quỹ tiền mặt, Sổ cái TK 111.

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				SĐĐK(T01/2011)			54.114.628	
							
07/01	07/01	PT 04/01		Thu tiền SD điện T12 của CT CPTM Chung Anh	81.200		93.709.088	
07/01	07/01	PT 05/01		CT TNHH Tuấn Anh thanh toán tiền hàng	110.908.600		204.617.688	
07/01	07/01		PC 04/01	TT tiền nước T12		374.900	204.242.788	
							
18/01	18/01	PT 06/01		CT TNHH Tuấn Anh trả tiền mua xơ	500.000.000		683.170.183	
18/01	18/01		PC 32/01	Nộp tiền vào NH Ngoại thương HP		500.000.000	183.170.183	
							
20/01	20/01		PC 37/01	Mua vật tư, vật liệu cho CN		80.000	263.985.488	
20/01	20/01		PC 39/01	Mua tranh tặng CB nghỉ hưu		3.000.000	260.862.488	

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

20/01	20/01		PC 39/01	Mua tranh tặng CB nghỉ hưu		300.000	260.562.488	
20/01	20/01		PC 40/01	Mua 01 hộp mực máy photo		450.000	260.112.488	
							
27/01	27/01		PC 74/01	Tiếp khách công an phường Máy Chai		1.000.000	158.298.701	
27/01	27/01		PC 75/01	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC – Máy tính Hồng Đăng		10.390.909	147.907.792	
27/01	27/01		PC 75/01	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC – Máy tính Hồng Đăng		1.039.091	146.868.701	
27/01	27/01		PC 76/01	Làm biển chúc mừng năm mới		400.000	146.468.701	
							
28/01	28/01		PC 80/01	Chi phí khánh tiết tết ND năm 2011		1.500.000	85.295.541	
28/01	28/01		PC 81/01	Tạm ứng (CP tiếp xúc + khánh tiết + tiếp xúc CB nghỉ hưu)		10.000.000	75.295.541	
28/01	28/01		PC 82/01	Tạm ứng (CP tiếp khách)		9.000.000	66.295.541	
							
30/01	30/01		PC 87/01	Mua xăng xe phục vụ tết ND 2011		280.000	61.453.631	
							
				Cộng SPS	4.753.710.585	4.748.881.582		
				SDCK(T01/2011)			58.943.631	

(Trích trang Sổ quỹ tiền mặt tháng 01 năm 2011 tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội)

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
Ngày	Số			Nợ	Có	
04/01	GBN04/01-NHNT	Ngân sách nhà nước	Nộp thuế môn bài năm 2011	3338	1121	1.000.000
				
07/01	PT 05/01	CT TNHH Tuấn Anh	Trả tiền mua hóa chất theo HD	1111	13113	110.908.600
				
15/01	GTGT 0001135	CT TNHH TMCP Nam Giao	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	1563	1121	340.500.000
15/01	GTGT 0001135	CT TNHH TMCP Nam Giao	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	13311	1121	34.050.000
				
18/01	PC 32/01	Ngân hàng ngoại thương HP	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng	1121	1111	500.000.000
				
19/01	PT 07/01	CT TNHH DV Vận tải Việt Nhật số 2	Nộp phí trông coi xe ô tô tháng 01/2011	1111	13111	5.280.000
				
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua 01 bức tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	6428	1111	3.000.000
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua 01 bức tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	13311	1111	300.000

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

					
26/01	BCC T01	Lương nhân viên Công ty	Lương phải trả NV BPBH	641	334	59.503.246	
26/01	BCC T01	Lương nhân viên Công ty	Lương phải trả NV BPQLDN	642	334	60.298.369	
					
27/01	PT 21/01	Trường THPT Lương Thế Vinh	Thu tiền dịch vụ trường học	1111	131	30.000.000	
27/01	PC 75/01	Máy vi tính	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC	2112	1111	10.390.909	
27/01	PC 75/01	Máy vi tính	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC	13311	1111	1.039.091	
					
28/01		CT XNK Nông sản TP Hà Nội	XĐ số tiền nộp lên cấp trên	642	336	50.000.000	
28/01	PC 81/01	Phạm Thị Hoa - NVPKT	Tạm ứng (CP tiếp xúc + khánh tiết + tiếp xúc CB nghỉ hưu)	141	1111	10.000.000	
28/01	PC 85/01	Trả lương nhân viên	Rút tiền mặt trả lương nhân viên	334	1111	119.801.615	
					
30/01	BKH TSCĐ T01/11	Khấu hao TSCĐ	CPKHTSCĐ ở BPBH	641	214	101.447.218	
					
30/01		Xác định kết quả kinh doanh T01	Kết quả kinh doanh	911	421	52.381.022	
		CỘNG (30/01/2011)					9.560.961.879

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 111 – Tiền mặt

Trích tháng 01 năm 2011

Số dư nợ đầu kỳ: 54.114.628

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
				
07/01	PT 04/01	CT CP TM Chung Anh	Nộp tiền sử dụng điện từ 01/12 – 31/12/2010	6417	81.200	
07/01	PT 05/01	CT TNHH Tuấn Anh	Trả tiền mua hóa chất theo HĐ	13113	110.908.600	
07/01	PC 04/01	CT TNHH MTV cấp nước HP	TT tiền nước từ 01/12/2010 – 02/01/2011	6417		374.900
				
17/01	PC 31/01	Kinh phí công đoàn	Chuyển KPCĐ năm 2010 về Liên đoàn lao động quận Ngô Quyền	3382		2.683.239
18/01	PT 06/01	CT TNHH Tuấn Anh	Trả tiền mua xơ theo HĐ	13113	500.000.000	
				
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	6428		3.000.000
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	13311		300.000

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

				
27/01	PC 74/01	Tiếp khách, hội nghị	Tiếp khách CA P.Máy Chai	6428		1.000.000
27/01	PC 75/01	Máy vi tính	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC	2112		10.390.909
27/01	PC 75/01	Máy vi tính	Mua 01 bộ máy vi tính cho phòng TCHC	13311		1.039.091
27/01	PC 76/01	Chi phí khác	Chi phí làm biễn chúc mừng năm mới	6428		400.000
				
28/01	PC 80/01	Chi phí khánh tiết ngày lễ, tết	Chi phí khánh tiết tết ND năm 2011	6428		1.500.000
28/01	PC 81/01	Phạm Thị Hoa	Tạm ứng (CP tiếp xúc + khánh tiết + tiếp xúc CB nghỉ hưu)	141		10.000.000
28/01	PC 82/01	Phạm Thị Hoa	Tạm ứng (CP tiếp khách)	141		9.000.000
28/01	PC 83/01	CP hội nghị, tổng kết	CP đại hội CNVC năm 2011	6428		740.000
				

Tổng phát sinh Nợ: 4.753.710.585

Tổng phát sinh Có: 4.748.881.582

Số dư Nợ cuối kỳ: 58.943.631

Hải phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội, tiền gửi Ngân hàng của Công ty chỉ bao gồm tiền Việt Nam, không có ngoại tệ. Công ty mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

2.2.1. Chứng từ sử dụng.

Công ty sử dụng những chứng từ sau:

- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có.
- Giấy nộp tiền Ngân hàng.
- Sổ phụ Ngân hàng.
- Bản sao kê Ngân hàng.
- Các giấy tờ khác có liên quan.

2.2.2. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng, kế toán sử dụng tài khoản 112.

2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 112
- Sổ chi tiết TK 112

2.2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng.

Quy trình luân chuyển chứng từ tiền gửi Ngân hàng diễn ra gần tương tự như quy trình luân chuyển chứng từ tiền mặt. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ

gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, bảng sao kê kèm theo chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...) do Ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản 112 (mở chi tiết theo Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng Hải CN Hải Phòng), sau đó đối chiếu số liệu ở sổ kế toán với số liệu của Ngân hàng, nếu có chênh lệch mà đến cuối tháng vẫn chưa xác định được nguyên nhân, kế toán tiến hành điều chỉnh theo số liệu của Ngân hàng đã gửi đến. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 112. Cuối mỗi quý, từ sổ cái tài khoản tiền gửi, kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính cho quý đó.

Để hiểu rõ hơn về hoạt động kế toán tiền gửi Ngân hàng tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội ta có thể xem một số nghiệp vụ sau:

❖ **Nghiệp vụ 1**

Hóa đơn GTGT số 0001135, ngày 15/12/2011, mua 15 tấn bông xơ của Công ty TNHH TMCP Nam Giao nhập kho, thanh toán bằng TGNH, đơn giá chưa gồm thuế GTGT 10% là 22.700đ/kg.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/1		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: HK/11P		
Ngày 15 tháng 01 năm 2011			Số: 0001135		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TMCP Nam Giao					
Địa chỉ: số 135 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội					
Số điện thoại: 048.7856.710			Fax:		
Mã số thuế: 010010592007 – 1					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Nam Anh					
Tên đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội					
Mã số thuế: 0100101682002 – 1					
Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bông xơ	kg	15.000	22.700	340.500.000
Cộng tiền hàng:					340.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			34.050.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					374.550.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bảy tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Tên doanh nghiệp: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà nội

Địa chỉ: số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN KHOẢN

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Tri Phương, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Đề nghị Ngân hàng thanh toán số tiền với nội dung sau:

- Đối tượng thụ hưởng: Công ty TNHH TMCP Nam Giao.
- Số tài khoản: 0001000146835
- Mở tại: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Nội.
- Tổng số tiền chuyển khoản: 374.550.000
- Bằng chữ: Ba trăm bảy tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.
- Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hàng.

(Kèm theo giấy đề nghị chuyển khoản: 01 chứng từ gốc)

Giám đốc

(ký, đóng dấu)

TP kế toán

(ký, họ tên)

PT bộ phận

(ký, họ tên)

Người đề nghị

(ký, họ tên)

Nguyễn Văn Phong

Mã GDV: NGUYEN PHUONG THAO

Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Mã KH: 44048

SỐ GD: 18



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Kính báo, hôm nay chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

- Số tài khoản ghi Nợ:020-0101-0036323.....
- Số tiền bằng số:374.550.000
- Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng/

Nội dung:Thanh toán hộ tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Nguyễn Phương Thảo

Đặng Quyết Thắng

❖ **Nghiệp vụ 2**

Ngày 18 tháng 01 năm 2011, xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng, số tiền 500.000.000đ.

Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng tiến hành viết phiếu chi.

Đơn vị: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ

trưởng BTC

Quyển số 01

Số: PC32

Nợ TK 1121

Có TK 1111

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 01 năm 2011

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Văn Phong
Địa chỉ : Phòng kế toán.
Lý do chi : Nộp tiền mặt vào ngân hàng.
Số tiền : 500.000.000đ
Bằng chữ : Năm trăm triệu đồng chẵn./.
Kèm theo : ... 01 ... Chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2011


Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nguyễn Văn Phong			Đỗ Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý);

+ Số tiền quy đổi:

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng. Tại Ngân hàng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội đã nộp.

 Vietcombank	GIẤY NỘP TIỀN - DEPOSIT LIP		Tiền mặt (Cash)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Ngày (Date) 18/01/2011		NFTT (Time Bk Note)	<input type="checkbox"/>
ĐỀ NGHỊ GHI CÓ TK (Please Credit Account)	Số tiền (With amount)	Phí trong (Charge included)	<input type="checkbox"/>	
	500.000.000đ	Phí ngoài (Charge excluded)	<input checked="" type="checkbox"/>	
SỐ TK (A/C No) 003-100-0001083	Bảng số (In figures) 500.000.000đ			
TÊN TÀI KHOẢN (A/C name) CN CT TNHH MTV XNK NSTP Hà Nội	Bảng chữ (In word) Năm trăm triệu đồng chẵn			
ĐỊA CHỈ (Address) Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng				
NGÂN HÀNG (With bank)				
NGƯỜI NỘP TIỀN (Depositer)	TRONG ĐÓ: Tiền mặt (Cash)			
Họ và tên (Full name) Nguyễn Văn Phong	(in which) NFTT (Time Bk Note)			
Địa chỉ (Address) CN CT TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội	KÝ TÊN (Signature)			
NỘI DUNG NỘP (Details) Gửi tiền vào tài khoản	NGUYỄN VĂN PHONG			
DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank' Use only) MÃ VAT				
	Thanh toán viên	Kiểm soát	Thủ quỹ	Giám đốc

Ngân hàng Ngoại thương CN Hải Phòng

Mã GDV: NGUYEN THI MAI

Mã KH: 22852

Số GD: 22



Vietcombank

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 18 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Kính báo, hôm nay chúng tôi đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng các khoản sau:

- Số tham chiếu:
- Số tài khoản ghi Có:003-100-0001083

Nội dung:Gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.....

Số tiền bằng số:500.000.000.....

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mai

Trương Thành Vinh

❖ **Nghiệp vụ 3**

Ngày 24 tháng 01 năm 2011, căn cứ vào hợp đồng cho thuê kho, Công ty TNHH Phước Thành tạm thanh toán phí thuê kho Quý 4/2010, số tiền 22.000.000đ, thanh toán bằng TGNH.

Công ty nhận được giấy Ủy nhiệm chi (Liên 3) và Giấy báo CÓ.

ỦY NHIỆM CHI – PAYMENT ORDER



Ngày (Date) 24/01/2011

Số: 00115

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please debit account) **SỐ TIỀN** (With amount) 22.000.000 **Phí NH** (Bank charges)

SỐ TK (A/C No) 020-0101-0152929	BẰNG SỐ (In figures) 22.000.000đ	Phí trong <input type="checkbox"/>
TÊN TK (A/C Name) TNHH Phước Thành	BẰNG CHỮ (In word) Hai mươi hai triệu đồng chẵn	(Including)
ĐỊA CHỈ (Address) Số 23 Máy Chai, NQ, HP		Phí ngoài <input checked="" type="checkbox"/>
TẠI NH (With bank) Maritime Bank		(Excluding)

& GHI CỐ TÀI KHOẢN (& Credit account)

SỐ TK (A/C No) 020-0101-0036323	KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ (Chief accountant)	CHỦ TK KÝ VÀ ĐÓNG DẤU (Acc.Holder & Stamp)
TÊN TK (A/C Name) CN CTY TNHH MTV XNK NSTP HN		
ĐỊA CHỈ (A/C Address) Số 25 Lương Khánh Thiện, NQ, HP		
TẠI NH (With bank) Maritime Bank		

DÀNH CHO NGÂN HÀNG (Bank use only) MÃ VAT

Thanh toán viên	Kiểm soát	Giám đốc
-----------------	-----------	----------

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hải Phòng

Mã GDV: DO BAO NGOC

Mã KH: 44048

Số GD: 22



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Kính báo, hôm nay chúng tôi đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng các khoản sau:

- Số tham chiếu:
- Số tài khoản ghi Có:020-0101-0036323.....

Nội dung:CTY TNHH Phước Thành trả tiền thuê kho.....

Số tiền bằng số: 22.000.000đ

Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn.

Giao dịch viên

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
Ngày	Số			Nợ	Có	
04/01		Ngân sách - NSACH	Nộp thuế môn bài năm 2011	3338	1121	1.000.000
				
15/01	GTGT 0001135	CT TNHH TMCP Nam Giao - NGIAO	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	1563	1121	340.500.000
15/01	GTGT 0001135	CT TNHH TMCP Nam Giao - NGIAO	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	13311	1121	34.050.000
				
18/01	PC 32/01	Ngân hàng Ngoại thương HP	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng	1121	1111	500.000.000
				
19/01	PT 07/01	CTYTNNHHDV Việt Nhật	Nộp phí trông coi xe ô tô tháng 01/2011	1111	13111	5.280.000
				
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua 01 bức tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	6428	1111	3.000.000
20/01	PC 39/01	Chi phí khác	Mua 01 bức tranh tặng CB phòng KD XNK về nghỉ hưu	13311	1111	300.000

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

					
24/01	UNC 00115	Công ty TNHH Phước Thành	Tạm thanh toán phí thuê kho Quý 4/2010	1121	13111	22.000.000	
24/01	GBC24/01- NHNTHP	Ngân hàng ngoại thương HP	NH trả lãi tiền gửi từ 01/01-25/01/11	1121	515	490.908	
					
26/01	BCCT01	Lương nhân viên Công ty	Lương phải trả NV BPBH	641	334	59.503.246	
26/01	BCCT01	Lương nhân viên Công ty	Lương phải trả NV BPQLDN	642	334	60.298.369	
					
27/01	PT 21/01	Trường THPT Lương Thế Vinh	Thu tiền dịch vụ trường học	1111	131	30.000.000	
					
28/01		CT XNK Nông sản TP Hà Nội	XĐ số tiền nộp lên cấp trên	642	336	50.000.000	
					
28/01	PXK 15/01	CT CP Vạn Cường	Xuất bán 1500kg hóa chất – giá vốn	632	1562	25.950.000	
28/01	HĐGTGT 0000042	CT CP Vạn Cường	Xuất bán 1500kg hóa chất	1121	511	31.650.000	
28/01	HĐGTGT 0000042	CT CP Vạn Cường	Xuất bán 1500kg hóa chất	1121	33311	3.165.000	
					
30/01		Xác định kết quả kinh doanh T01	Kết quả kinh doanh	911	421	52.381.022	
		CỘNG (30/01/2011)					9.560.961.879

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội
 Địa chỉ: số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, HP`

Mẫu số: S06 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản: Tiền Việt Nam gửi Ngân hàng

Số hiệu 112.1

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				259.748.248	
		Số phát sinh (T01/2011)					
GBN04/01-NHNT	04/01	Nộp thuế môn bài năm 2011	3338		1.000.000	258.748.248	
						
GTGT0001135	15/01	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho của CTY TNHH TMCP Nam Giao	1563		340.500.000	209.715.422	
GTGT0001135	15/01		1331		34.050.000	175.665.422	
						
	17/01	Nộp thuế GTGT tháng 12/2010	33312		24.487.293	262.686.321	
PC 32/01	18/01	Nộp tiền vào tài khoản NH Ngoại thương	1111	500.000.000		762.686.321	
GNN:02/GNN-CNHP/10	19/01	Chuyển trả tiền vay cho CTY XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội	33618		500.000.000	262.686.321	

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

						
PC 44/01	24/01	Nộp tiền vào NH Ngoại thương	1111	1.000.000.000		1.058.296.720	
UNC 00115	24/01	CT Phước Thành nộp phí thuê kho Q4	13111	22.000.000		1.080.296.720	
GNC 24/01- NHTMCPHH	24/01	CT TNHH MTV Da giấy HP trả phí thuê kho Quý 1/2011	13111	108.900.000		1.189.196.720	
						
GNN:02/GNN- CNHP/10	27/01	Chuyển trả phí chuyển tiền + lãi vay cho CTY XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội	33618		342.600	479.856.866	
						
GBC28/01- TNTMCPHH	28/01	CT CPTM & vận tải Việt Xô trả phí thuê kho tháng 12/2010	13111	12.353.000		386.340.149	
HĐ GTGT 0000042	28/01	Thu tiền hàng của CT CP Vạn Cường	511	31.650.000		417.990.149	
HĐ GTGT 0000042	28/01	Thu tiền hàng của CT CP Vạn Cường	33311	3.165.000		421.155.149	
GBC 29/01- NHTMCPHH	29/01	CT TNHH Tuấn Anh trả phí thuê kho tháng 12/2010	13111	107.250.000		528.405.149	
		Cộng SPS		4.867.176.978	4.598.520.077		
		Số dư cuối tháng 01/2011				528.405.149	

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị : CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Địa chỉ : số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S06 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: NH Ngoại thương CN Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 112.11

Trích tháng 01 năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Tồn	
			Số dư đầu năm				136.967.292	
			Số phát sinh (T01/2011)					
04/01	GBN 04/01	04/01	Nộp thuế môn bài năm 2011	3338		1.000.000	135.967.292	
							
06/01	PC 05/01	06/01	Nộp tiền vào tài khoản NH	1111	100.000.000		205.839.277	
							
17/01	GBN 17/01-NHNTCNHP	17/01	Chuyển KPCĐ năm 2010 lên CD cấp trên	3382		14.623.803	12.590.295	
							
18/01	PC 32/01	18/01	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1111	500.000.000		551.081.225	
							

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

19/01	PT 09/01	19/01	Rút tiền về nhập quỹ	1111		100.000.000	126.081.225	
19/01	PC 34/01	19/01	Nộp tiền vào TK	1111	800.000.000		926.081.225	
							
24/01	GNN:02/GN - CNHP/10	24/01	Trả tiền vay cho CT XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội	33618		565.750.000	229.589.255	
24/01		24/01	NH thu phí TT ngày 24/01	6428		56.575	229.532.680	
24/01		24/01	NH thu phí TT ngày 24/01	13311		5.658	229.527.022	
							
27/01	PT 14/01	27/01	Rút tiền về nhập quỹ	1111		100.000.000	271.015.287	
28/01	HĐ GTGT 0000042	28/01	Thu tiền hàng của CTCP Vạn Cường	511	31.650.000		302.665.287	
28/01	HĐ GTGT 0000042	28/01	Thu tiền hàng của CTCP Vạn Cường	3331	3.165.000		305.830.287	
			Cộng SPS			2.857.264.552	2.688.401.557	
			Số dư cuối kỳ (T01/2011)				305.830.287	

- Sổ này cótrang,đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị : CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Địa chỉ : số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S06 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: NH TMCP Hàng Hải Việt Nam CN Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 112.12

Trích tháng 01 năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Tồn	
			Số dư đầu năm				122.780.956	
			Số phát sinh					
							
06/01	PC 03/01	06/01	Nộp tiền vào TK ngân hàng	1111	100.000.000		152.083.296	
							
15/01	HĐGTGT 0001135	15/01	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho của CTY TNHH TMCP Nam Giao	1563		340.500.000	102.852.192	
15/01	HĐGTGT 0001135	15/01	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho của CTY TNHH TMCP Nam Giao	1331		34.050.000	68.802.192	
							
24/01	UNC 00115	24/01	CT Phước Thành nộp phí thuê kho quý 4/2010	13111	22.000.000		25.908.994	

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

24/01	GBC24/01- NHTMCPHH	24/01	CT TNHH MTV Da giày Hải Phòng trả phí thuê kho quý 1/2011	13111	108.900.000		134.808.994	
27/01	GBN27/01- NHTMCPHH	27/01	Chuyển 22% BHXH tháng 01/2010 vào TK BHXH quận Ngô Quyền	3383		21.777.576	113.031.418	
27/01	GBN27/01- NHTMCPHH	27/01	Chuyển 4,5% BHYT tháng 01/2010 vào TK BHXH quận Ngô Quyền	3384		4.729.086	108.302.332	
27/01	GBN27/01- NHTMCPHH	27/01	Chuyển 2% BHTN tháng 01/2010 vào TK BHXH quận Ngô Quyền	3389		2.101.816	106.200.516	
							
28/01	GBC 28/01	28/01	CT CPTM & VT Việt Xô trả phí thuê kho tháng 12/2010	13111	12.353.000		115.324.862	
28/01	GBC 28/01	28/01	CT TNHH Tuấn Anh trả phí thuê kho tháng 12/2010	13111	107.250.000		222.574.862	
			Cộng SPS			2.009.912.426	1.910.118.520	
			Số dư cuối T01/11				222.574.862	

- Sổ này cótrang,đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 112 – VND

Tháng 01 năm 2011

Ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
VCB	136.967.292		2.857.264.552	2.688.401.557	305.830.287	
MSB	122.780.956		2.009.912.426	1.910.118.520	222.574.862	
Cộng	259.748.248		4.867.176.978	4.598.520.077	528.405.149	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Trích tháng 01 năm 2011

Số dư nợ đầu kỳ: 259.748.248

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
04/01	GBN04/01-NHNTHP	Ngân sách nhà nước	Nộp thuế môn bài năm 2011	3338		1.000.000
					
06/01	PC 03/01	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng	1111	100.000.000	
					
15/01	GTGT 0001135	CTY TNHH TMCP Nam Giao	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	1563		340.500.000
15/01	GTGT 0001135	CTY TNHH TMCP Nam Giao	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho	1331		34.050.000
					
17/01	GBN17/01NHN TCNHP	Kinh phí công đoàn	Chuyển KPCĐ năm 2010 về công đoàn cấp trên	3382		14.623.803
					
18/01	PC32/01	Ngân hàng Ngoại thương HP - NHNT	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1111	500.000.000	
19/01	GNN: 02/GNN-CNHP-2010	CTY XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội	Chuyển trả tiền vay theo GNN: 02/GNN-CNHP - 2010	33618		500.000.000

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

					
24/01	PT 44/01	Ngân hàng Ngoại thương HP	Nộp tiền vào tài khoản	1111	1.000.000.000	
24/01	UNC 00115	Công ty TNHH Phước Thành	Tạm thanh toán phí thuê kho Quý 4/2010	13111	22.000.000	
24/01	GBC24/01NHT MCPHH	CT TNHH MTV Da giày HP	Trả phí thuê kho quý 1/2011	13111	108.900.000	
				
28/01	HĐGTGT 0000042	CT CP Vạn Cường	Xuất kho bán 1500kg hóa chất	511	31.650.000	
28/01	HĐGTGT 0000042	CT CP Vạn Cường	Xuất kho bán 1500kg hóa chất	3331	3.165.000	
29/01	GBC20/01NHT MCPHH	CT TNHH Tuấn Anh	Trả phí thuê kho tháng 12/2010	13111	107.250.000	

Tổng phát sinh Nợ: 4.867.176.978

Tổng phát sinh Có: 4.598.520.077

Số dư Nợ cuối kỳ: 528.405.149

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CN CTY TNHH MTV XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÀ NỘI

1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Từ khi được thành lập lại đến nay, CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội luôn phải đối đầu với hàng loạt khó khăn, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của đơn vị, tổ chức kinh tế khác, nhưng CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Trong 16 năm hoạt động, CN Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội luôn có hướng đi mới trong sản xuất kinh doanh, đã và đang phát triển với các chỉ tiêu tài chính ngày một phong phú và có hiệu quả. Với tư cách là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Trung Ương, Công ty luôn bảo toàn được nguồn vốn Nhà nước giao, đồng thời quản lý và sử dụng nguồn vốn đó một cách có hiệu quả, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Với tư cách một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa phải công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Song, bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán vốn bằng tiền tại

CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội, e đã thấy công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau.

1.1. Ưu điểm.

*** Bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh.

*** Hình thức kế toán.**

Với hệ thống kế toán ban hành, Công ty đã vận dụng vào thực tế trong hạch toán kế toán của Công ty. Hình thức kế toán Nhật ký chung được áp dụng trong công tác kế toán là hợp lý và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Hình thức này hạn chế được số lượng lớn sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác.

*** Chứng từ, tài khoản sử dụng.**

Các chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng được phân loại, sắp xếp riêng theo từng nội dung thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu để vào các hồ sơ, thẻ, bảng liên quan nhằm phân định rõ ràng giữa các chi phí kinh doanh. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

*** Sổ sách kế toán.**

Sổ sách kế toán được lập và ghi chép rõ ràng, rành mạch. Kế toán đã mở đầy đủ các sổ cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt, tiền gửi Ngân

hàng như Sổ quỹ tiền mặt, Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ tiền gửi Ngân hàng, Sổ cái TK 111, 112. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách kế toán được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra những sổ sách cần thiết phục vụ cho hoạt động kinh doanh, quản lý nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho.

* Hạch toán kế toán.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền, đồng thời vẫn đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu.

- Hạch toán tiền mặt: tiền mặt của Công ty được quản lý một cách hiệu quả, việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh đầy đủ, chính xác, có căn cứ (phiếu thu, phiếu chi) vào sổ sách. Thủ quỹ là người do Giám đốc trực tiếp đề cử và không là nhân viên kế toán nên tránh được tình trạng tham ô công quỹ và sai sót khi hạch toán. Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, có đầy đủ chữ ký vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí đảm bảo các khoản chi đều hợp lý, có mục đích rõ ràng.

- Hạch toán tiền gửi Ngân hàng: bộ phận kế toán của Công ty và Ngân hàng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, kế toán đã tiến hành ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời có đối chiếu sổ sách tại doanh nghiệp cũng như các bản sao kê Ngân hàng gửi về. Thêm vào đó, nhân viên kế toán được cấp mã tài khoản sử dụng để đăng nhập và mở website dữ liệu tài khoản ngân hàng qua mạng internet trực tiếp tại Công ty, theo dõi và cập nhật thông tin một cách nhanh chóng và chính xác nhất sự thay đổi tăng giảm của tiền gửi Ngân hàng.

* Cập nhật thông tin.

Nhân viên kế toán trong Công ty thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính về công tác hạch toán kế toán đặc biệt trong công tác kế toán vốn bằng tiền.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường có tính hiệu quả nhất cho kinh doanh.

1.2. Một số hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty vẫn còn một số tồn tại sau:

Công ty không hạch toán tiền đang chuyển – Đôi khi thủ tục hạch toán đã được thực hiện nhưng Công ty vẫn chưa nhận được Giấy báo Có hay bản sao kê của Ngân hàng, vì thế đôi khi trong quá trình hạch toán rất dễ dẫn đến nhầm lẫn hoặc bỏ sót nghiệp vụ - điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

Công ty không thực hiện chi trả qua Ngân hàng một số các khoản tiền có giá trị cao mà vẫn thanh toán bằng tiền mặt, điều này dẫn đến tình trạng số vốn tại quỹ của doanh nghiệp quá nhiều, nguy cơ xảy ra chênh lệch, thiếu hụt cao.

Công ty không sử dụng ngoại tệ - Hiện tại Công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán nên gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề thanh toán khi khách hàng của Công ty là công ty liên doanh, công ty nước ngoài hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

Với hình thức kế toán “Nhật ký chung” mà công ty đang áp dụng hạch toán hiện tại thì sổ Nhật ký chung và Sổ cái của Công ty chưa đúng mẫu theo quy định của chế độ kế toán.

Chưa mở Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền) – Khối lượng công việc liên quan đến tiền mặt phát sinh hàng ngày của Công ty là khá lớn, nếu sử dụng sổ Nhật ký đặc biệt sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu liên quan tới vốn bằng tiền của Công ty.

Mặc dù Công ty có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel trong việc hạch toán, nhưng trong quá trình phát triển hiện tại của Công ty cũng như những dự định mở rộng tình hình sản xuất kinh doanh kéo theo các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh ngày một gia tăng thì đối với công tác kế toán đây vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất. Thực tế là hiện nay trong hạch toán kế toán của Công ty, mỗi kế toán phải làm một phần hành riêng biệt và hàng ngày, hàng tháng...phải đối chiếu số liệu với nhau gây mất thời gian và đôi khi xảy ra nhầm lẫn, khó phát hiện được nguyên nhân thuộc về bộ phận nào.

2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Qua thời gian thực tập tại CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội, được tìm hiểu về tất cả các phần hành kế toán nói chung và đi sâu tìm hiểu phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng thì nhìn chung công tác quản lý, hạch toán vốn bằng tiền trong Công ty khá tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Từ thực tế đó, em xin có một vài ý kiến đề xuất cá nhân nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

2.1. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển.

Là một trong nhiều chi nhánh của Tổng công ty trong lĩnh vực nông sản với địa bàn hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, cộng với việc là một Công ty xuất nhập khẩu nên khối lượng trung chuyển tiền trong giai đoạn nhập xuất hàng hóa là rất lớn. Vì vậy, trong một vài trường hợp việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý, do sự chậm trễ của Ngân hàng khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng Công ty vẫn chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê Ngân hàng. Điều này rất dễ dẫn đến tình trạng thiếu chứng từ gốc khi hạch toán, hay hạch toán trùng lặp, bỏ sót nghiệp vụ. Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở tài khoản 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi cho những tài khoản tiền đang chuyển trong các trường hợp trên.

2.2. Hoàn thiện về hình thức thanh toán.

Việc thanh toán qua hệ thống Ngân hàng nên được sử dụng một cách triệt

để, đặc biệt với các khoản tiền phát sinh từ 20.000.000đ trở lên thì Công ty nên thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản. Thực tế là trong tháng 01/2011, có những khoản tiền khá lớn Công ty thu được từ việc bán hàng, thu phí thuê kho của các doanh nghiệp khác... Công ty không tiến hành thực hiện qua Ngân hàng mà tiến hành thanh toán bằng tiền mặt. Điều này hoàn toàn không hợp lý. Vì nếu thực hiện thanh toán qua Ngân hàng sẽ đảm bảo tính an toàn cũng như khả năng sinh lời của quỹ đồng thời tránh việc công ty không được khấu trừ thuế GTGT, điều này sẽ làm tăng chi phí phát sinh dẫn đến việc giảm lợi nhuận của Công ty.

Hiện nay, Công ty không ngừng đẩy mạnh mối quan hệ không chỉ với các tổ chức trong nước mà cả với các tổ chức quốc tế. Do đó yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ rất quan trọng. Để công tác thanh toán được thuận tiện, Công ty nên mở thêm tài khoản 111.2 “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” và tài khoản 112.2 “Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ”, trích lập một số tiền nhất định, tránh trường hợp phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ Công ty lại phải mua ngoại tệ bên ngoài để thực hiện giao dịch hoặc khi khách hàng đến thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị lại không thể nhập quỹ mà phải cử một người đi đổi lấy đồng Việt Nam.

2.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách.

Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” theo QĐ15/2006/QĐ-BTC, vì thế mẫu sổ (Nhật ký chung và Sổ cái) của Công ty nên đúng mẫu và cách ghi chép để thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày và thuận tiện cho việc ghi sổ.

Do đặc thù Công ty là công ty Thương mại nên các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến thu, chi tiền hàng ngày của Công ty tương đối nhiều, mặt khác hình thức kế toán đang làm tại Công ty vẫn là kế toán thủ công, vì thế kế toán nên mở Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền) để liệt kê các khoản tiền thu, chi hàng ngày đồng thời ghi sổ kế toán được nhanh chóng, giảm bớt khối lượng công việc. Theo nguyên tắc, các nghiệp vụ phát sinh đều phải phản ánh vào Sổ Nhật ký chung nhưng với biện pháp này khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã ghi trong sổ Nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào Nhật ký chung nữa mà sẽ tổng hợp ghi một lần vào Sổ cái.

Đối với Nhật ký thu tiền: hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc thu tiền của Công ty, kế toán ghi vào Nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK 111 thể hiện phát sinh tăng tiền mặt và Nợ TK 112 phát sinh tăng tiền gửi Ngân hàng trong tháng của Công ty.

Đối với Nhật ký chi tiền: hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc chi tiền của Công ty, kế toán ghi vào Nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK 111 thể hiện phát sinh giảm tiền mặt và Có TK 112 phát sinh giảm tiền gửi Ngân hàng trong tháng của Công ty.

Sau đây là sổ Nhật ký chung, Sổ cái và các Sổ Nhật ký đặc biệt.

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TTD	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
04/01	GBN04/01	04/01	Nộp thuế môn bài năm 2011			3383	1.000.000	
04/01	GBN04/01	04/01	Nộp thuế môn bài năm 2011			1121		1.000.000
							
15/01	GTGT0001135	15/01	Mua 15.000kg bông xơ nhập kho – CTTNHH TMCP Nam Giao - thanh toán bằng TGNH			1563	340.500.000	
15/01	GTGT0001135	15/01				13311	34.050.000	
15/01	GTGT0001135	15/01				1121		374.550.000
							
18/01	PC 32/01	18/01	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng - NHNT			1121	500.000.000	
18/01	PC 32/01	18/01	Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng - NHNT			1111		500.000.000
							
28/01		28/01	Xác định số tiền nộp lên cấp trên – CTY Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội			642	50.000.000	
28/01		28/01				336		50.000.000
							
30/01		30/01	Xác định kết quả kinh doanh			911	52.381.022	
30/01		30/01	Xác định kết quả kinh doanh			421		52.381.022
			CỘNG (30/01/2011)				9.560.961.879	9.560.961.879

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị báo cáo: CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 111 – Tiền mặt (Trích tháng 01 năm 2011)

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				54.114.628	
			Số phát sinh (Tháng 01/2011)					
							
07/01	PT 04/01	07/01	CTCPTM Chung Anh nộp tiền sử dụng điện từ 01/12-31/12/2010			6417	81.200	
07/01	PT 05/01	07/01	CTY TNHH Tuấn Anh trả tiền mua hóa chất theo HĐ			13113	110.908.600	
07/01	PC 04/01	07/01	TT tiền nước từ 01/12/2010-02/01/2011			6417		374.900
							
17/01	PC 31/01	17/01	Chuyến KPCĐ năm 2010 về liên đoàn lao động quận Ngô Quyền			3382		2.683.239
18/01	PT 06/01	18/01	CTY TNHH Tuấn Anh trả tiền mua xơ theo HĐ			13113	500.000.000	
							
28/01	PC 80/01	28/01	Chi phí khánh tiết NĐ năm 2011			6428		1.500.000
28/01	PC 81/01	28/01	Tạm ứng CP tiếp xúc CB nghỉ hưu + khánh tiết			141		10.000.000
28/01	PC 82/01	28/01	Tạm ứng chi phí tiếp khách			141		9.000.000
							
			Cộng số phát sinh				4.753.710.585	4.748.881.582
			Số dư cuối tháng 01/2011				58.943.631	

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Mẫu số S03a1 – DN

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

TK 111 – Tiền mặt

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			131	112	338	TK khác	
								141	6417
05/01	PT 01/01	05/01	CTY TNHH Tuấn Anh trả tiền hàng	975.000.000	975.000.000				
06/01	PT 02/01	06/01	CTY TNHH Tuấn Anh trả tiền hàng	550.000.000	550.000.000				
07/01	PT 03/01	07/01	CTY TNHH Thanh Mai nộp tiền SD điện	85.260					85.260
								
19/01	PT 08/01	19/01	Rút tiền nhập quỹ (NH Ngoại thương)	100.000.000		100.000.000			
								
27/01	PT 15/01	27/01	Hoàn tạm ứng	3.000.000				3.000.000	
27/01	PT 17/01	27/01	Nộp 1%BHTN – BHXH quận NQ tháng 01/11	1.050.908			1.050.908		
			Cộng	4.753.710.585	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Mẫu số S03a2 – DN

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHI TIỀN

TK 111 – Tiền mặt

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các tài khoản						
	Số hiệu	Ngày tháng			112	334	642	...	TK khác		
									141	...	
05/01	PC 01/01	05/01	Nộp tiền vào tài khoản NHNT	975.000.000	975.000.000						
										
14/01	PC 14/01	14/01	Lương kho 1 kỳ 1/01/2011	6.000.000		6.000.000					
14/01	PC 15/01	14/01	Lương phòng TCHC kỳ 1/01/11	11.000.000		11.000.000					
										
19/01	PC 33/01	19/01	Mua xăng xe đi công tác HP	280.000			280.000				
										
27/01	PC 57/01	27/01	Lương phòng KD kỳ 2/01/11	9.213.200		9.213.200					
27/01	PC 58/01	27/01	TT tiền ca ba tháng 01/11	2.929.500		2.929.500					
										
28/01	PC 82/01	28/01	Tạm ứng (CP tiếp khách)						9.000.000		
			Cộng	4.748.881.582	xxx	xxx	xxx		xxx		

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Mẫu số S03a1 – DN

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Trích tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112	Ghi Có các tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			111	131	511	...	TK khác
								
06/01	PC 04/01	06/01	Nộp tiền vào Ngân hàng TMCPHH	100.000.000	100.000.000				
								
14/01	GBC14/01	14/01	Xuất kho hóa chất bán – Việt Hải	93.933.070			93.933.070		
								
24/01	GBC24/01	24/01	CTY TNHH Phước Thành tạm thanh toán phí thuê kho Quý 4/10	22.000.000		22.000.000			
24/01	GBC24/01	24/01	CTY TNHH MTV Da giầy HP trả phí thuê kho quý 01/11	108.900.000		108.900.000			
								
			Cộng	4.867.176.978	xxx	xxx	xxx		xxx

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: CN CTY TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Mẫu số S03a2 – DN

Địa chỉ: Số 25 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Tháng 01 năm 2011

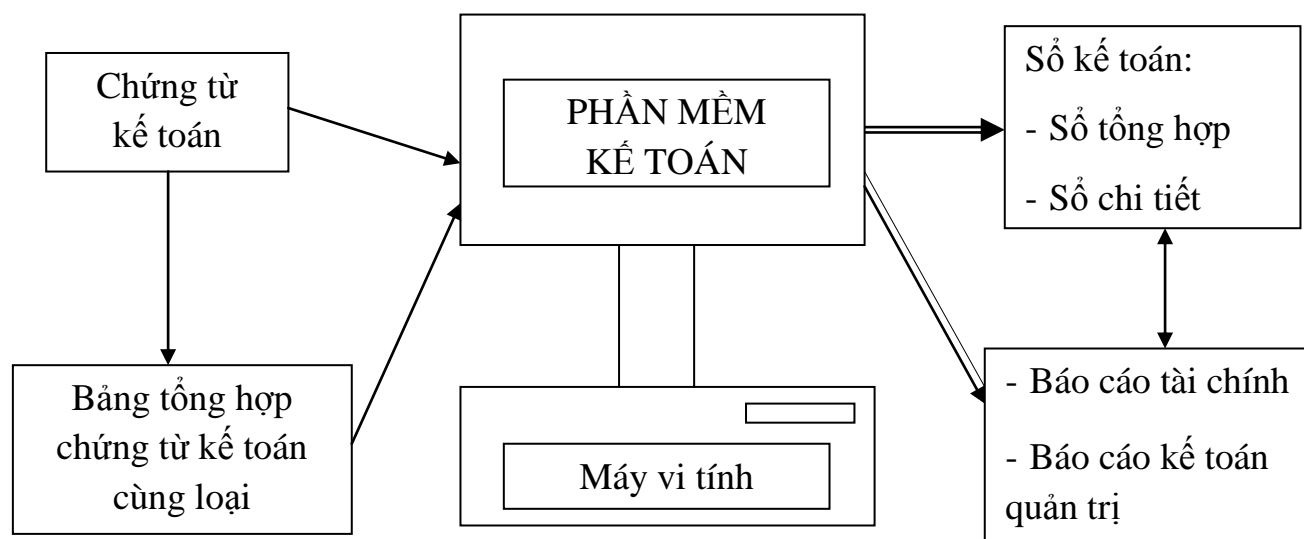
Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112	Ghi Nợ các tài khoản					
	Số hiệu	Ngày tháng			111	338	TK khác	
									336	...
			...							
05/01	PT02/01	05/01	Rút tiền nhập quỹ - NHTMCPHH	100.000.000	100.000.000					
			...							
19/01	GNN02	19/01	Chuyển trả tiền vay theo GNN	500.000.000					500.000.000	
			...							
19/01	PT 08/01	19/01	Rút tiền nhập quỹ - NHNTHP	100.000.000	100.000.000					
			...							
27/01	GNN:02/G NN- CNHP/10	27/01	Chuyển trả phí chuyển tiền + lãi vay theo GNN	342.600					342.600	
			...							
27/01	BPBLT01	27/01	Chuyển 22%BHXH tháng 01/11-BHXH quận NQ	21.777.576		21.777.576				
27/01	BPBLT01	27/01	Chuyển 4.5%BHYT tháng 01/11- BHXH quận NQ	4.729.086		4.729.086				
27/01	BPBLT01	27/01	Chuyển 2%BHTN tháng 01/11-BHXH quận NQ	2.101.816		2.101.816				
27/01	PT 14/01	27/01	Rút tiền nhập quỹ - NHNTHP	100.000.000	100.000.000					
			Cộng	4.598.520.077	xxx	xxx	xxx		xxx	

2.4. Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Hiện nay công nghệ thông tin phát triển, ngày càng có nhiều phần mềm kế toán đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng công việc kế toán mà vẫn giữ được bảo mật thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, tiết kiệm thời gian, giảm thiểu số lượng công việc hàng ngày, giảm áp lực trong công tác kế toán, giảm nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu. Từ đó tạo điều kiện tốt nhất cho công tác quản lý, tư vấn tài chính, lập kế hoạch dài hạn cũng như ngắn hạn khi cần thiết, nâng cao công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày
=====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
<====> Đối chiếu, kiểm tra

Khi sử dụng phần mềm kế toán hàng ngày các kế toán viên chỉ cần nhập số liệu vào máy tính, máy tính sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ và ghi các sổ liên quan theo hình thức Nhật ký chung. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm sẽ tự động lập bảng tổng hợp và các báo cáo cần thiết.

Để sử dụng phần mềm kế toán công ty nên lựa chọn phần mềm thích hợp nhất với điều kiện kinh doanh của công ty, đồng thời đầu tư đào tạo cho nhân viên kế toán học cách sử dụng phần mềm thành thạo. Bộ phận kế toán cần lên các phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, ... tạo danh mục mã hóa cho các đối tượng như tài khoản Công ty sử dụng, tài khoản con, danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục các nhà cung cấp...

Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp cho Công ty có thể quản lý tốt việc sử dụng vốn bằng tiền. Kế toán chỉ cần nhập dữ liệu phần mềm sẽ tự động lập phiếu chi, phiếu thu, vào sổ chi tiết hàng ngày... thuận tiện cho việc kiểm tra số liệu bất cứ lúc nào cần, từ đó hạn chế sai sót trong công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh với giám đốc một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản tiền vốn của công ty, nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh là rất quan trọng. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán của công ty là một tất yếu, nhất là trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa hiện nay. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được vẹn toàn.

Do còn hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán CN Công ty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Em xin chân thành cảm ơn Th.S **Lê Thị Nam Phương** và các cô chú trong Công ty đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

Phạm Thị Hương Giang